

HỒ SƠ MỜI THẦU DỊCH VỤ TƯ VẤN

ÁP DỤNG PHƯƠNG THỨC MỘT GIAI ĐOẠN HAI TÚI HỒ SƠ

Hình thức thực hiện:
Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng

Số hiệu gói thầu: DV-979/26-NIPI-DA-TTH/HSMT

Số E-TBMT (trên Hệ thống): _____

Tên gói thầu (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống): Thuê dịch vụ xử lý số liệu và lập báo cáo cho dự án “Lấy mẫu và phân tích mẫu chất lưu phục vụ phân chia sản phẩm mỏ Nam Rồng - Đồi Mồi năm 2026”

Dự án/dự toán mua sắm (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống): Nam Rồng - Đồi Mồi

Phát hành ngày (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống): _____

Ban hành kèm theo Quyết định (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống): DV-979/26-NIPI-DA-TTH/HSMT

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Từ ngữ viết tắt

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-Hồ sơ dự thầu

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. Điều khoản tham chiếu

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

Phần 4. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Yêu cầu kỹ thuật

Phụ lục 2. Bảng điểm đánh giá kỹ thuật



MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT. Cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính là tệp tin PDF do Chủ đầu tư chuẩn bị theo mẫu và đăng tải trên Hệ thống.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mời thầu, biểu mẫu dự thầu mà nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSDT.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. Điều khoản tham chiếu

Điều khoản tham chiếu bao gồm việc giới thiệu về gói thầu, phạm vi công việc; yêu cầu về báo cáo, thời gian thực hiện, kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu; trách nhiệm của Chủ đầu tư. Điều khoản tham chiếu được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương này bao gồm điều khoản chung, áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể cho mỗi hợp đồng.

Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không thay thế được Điều kiện chung của Hợp đồng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

Chương này bao gồm các điều khoản, điều kiện, dữ liệu và các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ cấu thành hợp đồng hoàn chỉnh.

Phần 4. PHỤ LỤC

Phần này bao gồm các tài liệu: Yêu cầu kỹ thuật, Bảng điểm đánh giá kỹ thuật, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.



Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

| | |
|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Phạm vi gói thầu | <p>1.1 Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ tư vấn theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm được quy định tại E-BDL.</p> |
| 2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng | <p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSMT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p> |
| 3. Nguồn vốn | <p>Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL.</p> |
| 4. Hành vi bị cấm | <p>4.1 Đưa, nhận, môi giới hối lộ;</p> <p>4.2 Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào công tác lựa chọn nhà thầu;</p> <p>4.3 Thông thầu, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị Hồ sơ dự thầu hoặc rút Hồ sơ dự thầu để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký Hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của Hồ sơ mời thầu nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Bên mời thầu yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4 Gian lận, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p> <p>b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.5 Cản trở, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;</p> |

b) Cản trở Người có thẩm quyền, chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;

c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;

d) Cố tình khiêu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

4.6 Không bảo đảm công bằng, minh bạch, bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Bên mời thầu, chủ đầu tư không đúng quy định của Mục 5-CDNT;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định Hồ sơ mời thầu/Hồ sơ yêu cầu đối với cùng một gói thầu, dự án;

c) Tham gia đánh giá Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu, dự án;

d) Cá nhân thuộc Bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia Tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là Người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu;

đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định Hồ sơ mời thầu; đánh giá Hồ sơ dự thầu; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện Hợp đồng;

e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;

f) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;

4.7 Tiết lộ những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà thầu:

a) Nội dung Hồ sơ mời thầu/Hồ sơ yêu cầu trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất, sổ tay ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng Hồ sơ dự

| | |
|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | <p>thầu/Hồ sơ đề xuất trước khi công khai, kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Nội dung yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>d) Báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của Tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>đ) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>e) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được đóng dấu mật theo quy định của Quy chế số VSP-000-TM-238.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu có giá trị từ 10% trở lên hoặc dưới 10% nhưng trên 02 triệu USD (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ đã được kê khai trong Hợp đồng) tính trên giá Hợp đồng đã ký kết.</p> |
| <p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p> | <p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</p> <p>c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL.</p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và Vietsovpetro;</p> <p>đ) Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;</p> <p>e) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm c, d và e Mục 5.1 E-CDNT.</p> <p>5.3 Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân;</p> <p>b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật;</p> |



| | |
|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | <p>c) Đăng ký hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu</p> |
| <p>6. Nội dung của E-HSMT</p> | <p>6.1. E-HSMT bao gồm: E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3, Phần 4 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Điều khoản tham chiếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Điều khoản tham chiếu. <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng - Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng <p>Phần 4. Phụ lục</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phụ lục 1. Yêu cầu kỹ thuật - Phụ lục 2. Bảng điểm đánh giá kỹ thuật <p>6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSMT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p> |
| <p>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</p> | <p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (mẫu biểu và file đính kèm). Việc sửa đổi hồ sơ mời thầu được thực hiện trong thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSMT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên</p> |

| | |
|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | <p>Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Bên mời thầu đăng tải giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được Chủ đầu tư ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>7.4. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.5. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.6. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT.</p> <p>7.7 Song song với việc làm rõ/ trả lời làm rõ trên Hệ thống, Bên mời thầu/Nhà thầu có thể gửi văn bản bằng đường văn thư/ fax/ email trực tiếp để biết thông tin và chuẩn bị kịp thời hồ sơ tài liệu liên quan.</p> |
| <p>8. Chi phí dự thầu</p> | <p>E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p> |
| <p>9. Ngôn ngữ của E-HSDT</p> | <p>E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).</p> |
| <p>10. Thành phần của E-HSDT</p> | <p>E-HSDT bao gồm E-HSDXKT và E-HSDXTC:</p> <p>10.1. E-HSDXKT bao gồm các thành phần sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn dự thầu trong E-HSDXKT được Hệ thống tự trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; - Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với trường hợp nhà thầu liên danh); - Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 14 E-CDNT và các Mẫu thuộc |



| | |
|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | <p>Chương IV;</p> <p>10.2. E-HSDXTC phải bao gồm các thành phần sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn dự thầu trong E-HSDXTC được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; - Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 12 E-CDNT. <p>10.3. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL.</p> |
| 11. Đơn dự thầu và các bảng biểu | Nhà thầu điền trực tiếp thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu để hoàn thành E-HSDT. |
| 12. Giá dự thầu và giảm giá | <p>12.1 Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu sẽ điền giá dự thầu vào đơn dự thầu trên webform của hệ thống.</p> <p>Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Bảng tổng hợp chi phí.</p> <p>12.2. Việc phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia được thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p> <p>12.3. Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá cố định, giá dự thầu không được vượt quá chi phí thực hiện gói thầu quy định tại E-BDL.</p> |
| 13. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán | Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND. |
| 14. Đề xuất kỹ thuật | <p>14.1. Đề xuất kỹ thuật không được nêu bất kỳ thông tin tài chính nào. Nếu đề xuất kỹ thuật của nhà thầu có những thông tin tài chính quan trọng thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm về những bất lợi do việc để lộ thông tin tài chính trong đề xuất kỹ thuật (nếu có).</p> <p>14.2. Nhà thầu không được đề xuất phương án khác về nhân sự chủ chốt. Mỗi vị trí nhân sự chủ chốt chỉ được đề xuất một lý lịch chuyên gia.</p> <p>14.3. Đối với gói thầu áp dụng hợp đồng theo thời gian, trường hợp E-HSMT có yêu cầu, nhà thầu phải đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt không ngắn hơn thời gian quy định tại E-BDL.</p> <p>14.4. Trường hợp gói thầu đã áp dụng mời quan tâm, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự quan tâm thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p> |
| 15. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT | <p>15.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại E-BDL.</p> <p>15.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực</p> |

| | |
|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | <p>của E-HSDT. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p> |
| 16. Thời điểm đóng thầu | <p>16.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>16.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p> |
| 17. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT | <p>17.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) thay mặt liên danh nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>17.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi.</p> <p>17.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Khi rút E-HSDT, Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>17.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá.</p> |
| 18. Mở E-HSĐXKT | <p>18.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở E-HSĐXKT và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng.</p> <p>18.2. Biên bản mở E-HSĐXKT được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; |

| | |
|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Tổng số nhà thầu tham dự. b) Thông tin về các nhà thầu tham dự: <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSĐXKT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có). |
| <p>19. Đánh giá E-HSĐXKT</p> | <p>19.1. Chủ đầu tư áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSĐXKT.</p> <p>19.2. Quy trình đánh giá E- HSĐXKT như sau:</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên mời thầu căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên tài liệu đính kèm để đánh giá về tư cách hợp lệ trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong E-HSDT. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu. - Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh). - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật. <p>b) Bước 2: Tổ chuyên gia đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 2 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong tài liệu đính kèm trong E-HSDT để đánh giá. Trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hợp đồng tương tự hoặc thông tin hợp đồng tương tự kê khai trong tài liệu đính kèm E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. - Đối với nội dung giải pháp, phương pháp luận: Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở file đính kèm. - Đối với nội dung nhân sự chủ chốt: Tổ chuyên gia đánh giá theo thông tin nhân sự kê khai trên form mẫu và trong tài liệu đính kèm. - Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất, giá cố định hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá, nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được mở E-HSĐXTC để đánh giá theo quy định tại Mục 20 và Mục 21 E-CDNT. - Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật: nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất được mở E-HSĐXTC theo Mục 20 E-CDNT để thương thảo theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. - Nhà thầu có E-HSĐXKT không đáp ứng sẽ không được mở E-HSĐXTC để đánh giá. - Bên mời thầu đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật |



| | |
|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | lên Hệ thống. |
| 20. Mở E-HSDXTC | <p>20.1. E-HSDXTC của các nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được Bên mời thầu tiến hành mở và công khai trên Hệ thống.</p> <p>20.2. Biên bản mở E-HSDXTC được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số thông báo mời thầu; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; <p>b) Thông tin về các nhà thầu được mở hồ sơ đề xuất về tài chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (<i>Hệ thống tự động tính toán giá dự thầu sau giảm giá</i>) - Điểm kỹ thuật của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, điểm kỹ thuật của nhà thầu xếp thứ nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDXTC; - Các thông tin liên quan khác (nếu có). |
| 21. Đánh giá E-HSDXTC và xếp hạng nhà thầu | <p>21.1. Đánh giá E-HSDXTC theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>21.2. Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>21.3. Sau khi đánh giá về giá, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về giá thì không cần phải xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p> |
| 22. Bảo mật | <p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> |

| | |
|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> |
| <p>23. Làm rõ E-HSDT</p> | <p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của Bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với các nội dung đề xuất kỹ thuật, tài chính nêu trong E-HSDT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.</p> <p>23.4. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, máy móc, bảo hành, bảo trì mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p> <p>23.5. Trường hợp sau khi đóng thầu, nhà thầu phát hiện hồ sơ dự thầu thiếu các tài liệu chứng minh về tư cách hợp lệ, hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất, báo cáo tài chính, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự, thiết bị cụ thể đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu thì được gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình trong một khoảng thời gian quy định tại E-BDL. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ là một phần của hồ sơ dự thầu.</p> <p>23.6. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.7. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư, Bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> |



| | |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>24. Hiệu chỉnh sai lệch đối với loại hợp đồng theo thời gian – (Không áp dụng)</p> | <p>24.1. Hiệu chỉnh sai lệch không áp dụng với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh. Giá dự thầu mà nhà thầu đề xuất trong đơn dự thầu thuộc E-HSĐXTC được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo phạm vi công việc nêu trong E-HSMT.</p> <p>24.2. Đối với hợp đồng theo thời gian, trường hợp có sự khác biệt về số lượng, khối lượng của từng nội dung thuộc chi phí khác cho chuyên gia nêu tại Mẫu số 13 Chương IV so với nội dung tương ứng thuộc đề xuất kỹ thuật thì số lượng, khối lượng thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc hiệu chỉnh sai lệch.</p> |
| <p>25. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu – (Không áp dụng)</p> | <p>25.1. Đối tượng được hưởng ưu đãi: Nhà thầu có sử dụng số lượng lao động nữ từ 25% trở lên; số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên; số lượng lao động là người dân tộc thiểu số từ 25% trở lên và các nội dung ưu đãi khác theo quy định tại E-BDL.</p> <p>25.2. Cách tính ưu đãi: Xếp hạng cao hơn cho nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi và nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi được đánh giá ngang nhau.</p> <p>25.3. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi thì phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.</p> |
| <p>26. Nhà thầu phụ</p> | <p>26.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để thực hiện một hoặc một số hạng mục công việc của gói thầu. Nhà thầu phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 10 Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ.</p> <p>26.2. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc gói thầu.</p> <p>26.3. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại E-BDL.</p> <p>26.4. Nhà thầu chính không được sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong E-</p> |



| | |
|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | <p>HSDT; việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận; trường hợp sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ có giá trị từ 10% trở lên (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ) tính trên giá hợp đồng đã ký kết thì được coi là hành vi “chuyên nhượng thầu”.</p> |
| <p>27. Đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng</p> | <p>27.1. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT. Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận quy định tại Mục 4.4 E-CDNT. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được tiếp tục thương thảo hợp đồng.</p> <p>27.2. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Báo cáo đánh giá E-HSDT; b) E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT (nếu có) của nhà thầu; c) E-HSMT và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có). <p>27.3. Nội dung thương thảo hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Việc thương thảo bao gồm thảo luận điều khoản tham chiếu, phương pháp luận được đề xuất, điều kiện cụ thể của hợp đồng và hoàn thiện phần “Mô tả dịch vụ” của hợp đồng với điều kiện không làm thay đổi đáng kể phạm vi dịch vụ ban đầu theo điều khoản tham chiếu hay điều khoản của hợp đồng; b) Kế hoạch công tác và bố trí nhân sự; c) Tiến độ; d) Giải quyết thay đổi nhân sự (nếu có); đ) Bố trí điều kiện làm việc; e) Thương thảo về chi phí dịch vụ tư vấn trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của gói thầu và điều kiện thực tế, bao gồm việc xác định rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế (nếu có), phương thức nộp thuế (nhà thầu trực tiếp nộp thuế hoặc Chủ đầu tư giữ lại một khoản tiền tương đương với giá trị thuế để nộp thay cho nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành), giá trị nộp thuế và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế phải được nêu cụ thể trong hợp đồng; g) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu; h) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác. <p>Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT, trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí</p> |

| | |
|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | <p>nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu được thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm các nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.</p> <p>27.4. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng, phụ lục hợp đồng.</p> <p>27.5. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT.</p> <p>27.6. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể đến thương thảo hợp đồng trực tiếp với Bên mời thầu, Bên mời thầu có thể xem xét, thương thảo qua mạng.</p> |
| <p>28. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p> | <p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>28.1. Có E-HSĐT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>28.2. Có đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>28.3. Có giá dự thầu thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất; có điểm kỹ thuật cao nhất đối với phương pháp giá cố định và phương pháp dựa trên kỹ thuật; có điểm tổng hợp cao nhất đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;</p> <p>28.4 Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;</p> <p>28.5. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại E-BDL.</p> |
| <p>29. Hủy thầu</p> | <p>29.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSĐT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi mua sắm làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chí đánh giá đã ghi trong E-HSMT theo quyết định của Chủ đầu tư.</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ các quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại mục 4 Hành vi bị cấm – Chương I Chỉ dẫn nhà thầu;</p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại mục 4 Hành vi bị cấm – Chương I Chỉ dẫn nhà thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>29.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến</p> |



| | |
|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | <p>hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 29.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> |
| <p>30. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p> | <p>30.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSĐT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng. <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật; - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>30.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p> |
| <p>31. Tùy chọn mua thêm</p> | <p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư có quyền mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL.</p> |
| <p>32. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng</p> | <p>Hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng thực hiện như sau:</p> <p>32.1. Việc hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Dự thảo hợp đồng; b) Các nội dung cần được hoàn thiện hợp đồng giữa Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu; c) Kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt; d) Biên bản thương thảo hợp đồng; |



| | |
|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | <p>đ) Các nội dung nêu trong E-HSDT và văn bản giải thích làm rõ HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);</p> <p>e) Các yêu cầu nêu trong E-HSMT và văn bản làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có).</p> <p>32.2. Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, trong thời hạn quy định tại E-BDL, các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng. Quá thời hạn nêu trên, nếu Bên mời thầu không nhận được văn bản chấp thuận hoặc nhà thầu từ chối vào hoàn thiện, ký kết hợp đồng thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định huỷ kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó và quyết định lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trong trường hợp đó, nhà thầu sẽ được Bên mời thầu yêu cầu gia hạn hiệu lực E-HSDT, nếu cần thiết.</p> <p>32.3. Trường hợp nhà thầu trúng thầu từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì Chủ đầu tư đăng tải thông tin nhà thầu vi phạm lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để các Chủ đầu tư, Bên mời thầu có cơ sở đánh giá về uy tín của nhà thầu trong các lần tham dự thầu tiếp theo.</p> <p>32.4. Sau khi hoàn thiện hợp đồng, Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ ký kết hợp đồng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> |
| <p>33. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</p> | <p>33.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Người có thẩm quyền, Chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Bên mời thầu.</p> <p>33.2. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL.</p> |
| <p>34. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu</p> | <p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại E-BDL.</p> |



Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

| | |
|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| E-CDNT 1.1 | Tên Chủ đầu tư là: Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro, Viện Nghiên cứu Khoa học và Thiết kế |
| E-CDNT 1.2 | Tên gói thầu: Thuê dịch vụ xử lý số liệu và lập báo cáo cho dự án “Lấy mẫu và phân tích mẫu chất lưu phục vụ phân chia sản phẩm mỏ Nam Rồng - Đồi Mồi năm 2026”. Tên dự án/dự toán mua sắm là: Nam Rồng - Đồi Mồi Gói thầu: Trọn gói |
| E-CDNT 3 | Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn): Nam Rồng - Đồi Mồi |
| E-CDNT 5.1 (c) | <p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro, Viện Nghiên cứu Khoa học và Thiết kế, trừ trường hợp nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó.- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau:<ul style="list-style-type: none">+ Tư vấn lập, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, thiết kế kỹ thuật tổng thể: không có;+ Tư vấn thẩm định giá: không có;+ Tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định: không có;+ Tư vấn lập, thẩm định HSMT: không có;+ Tư vấn đánh giá E -HSDT: không có;+ Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: không có;+ Tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu: không có; <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)*.</p> <ul style="list-style-type: none">- Đơn vị sự nghiệp công lập và chủ đầu tư, bên mời thầu có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu.- Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu. <p>Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng</p> |



| | |
|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | <p>thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> <p>"Tỷ lệ sở hữu vốn" = $\sum_{(i=1)}^n [(X_i \times Y_i)]$</p> <p>Trong đó:</p> <p>Xi: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i;</p> <p>Yi: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;</p> <p>n: Số thành viên tham gia trong liên danh.</p> <p>*Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp".</p> |
| E-CDNT 7.1 | Việc sửa đổi E-HSMT trong thời gian tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu. |
| E-CDNT 7.2 | <p>Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ E-HSMT đến Bên mời thầu trong khoảng thời gian tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.</p> <p>Bên mời thầu thực hiện làm rõ trong khoảng thời gian tối thiểu 01 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.</p> |
| E-CDNT 7.3 | Hội nghị tiền đấu thầu: Không. |
| E-CDNT 8 | Chi phí nộp E-HSDT: <i>[theo quy định hiện hành của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia]</i> . |
| E-CDNT 10.3 | <p>Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các tài liệu chứng minh E-HSDT đáp ứng các yêu cầu được quy định tại E-HSMT. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được chứng thực - Các biểu mẫu quy định tại Chương IV. - Giấy xác nhận thông tin đăng ký trên mạng đấu thầu quốc gia. |
| E-CDNT 12.2 | Phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia: Không yêu cầu. |
| E-CDNT 12.3 | Chi phí thực hiện gói thầu: |
| E-CDNT 14.3 | Không áp dụng |
| E-CDNT 15.1 | Thời gian có hiệu lực của E-HSDT: ≥ 90 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. |
| E-CDNT 19.1 | Phương pháp đánh giá E-HSDT là: Phương pháp giá thấp nhất. |
| E-CDNT 21.3 | Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp thứ nhất. |

| | |
|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| E-CDNT 23.5 | Nhà thầu được tự gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình trong vòng 05 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. |
| E-CDNT 25.1 | Các nội dung ưu đãi khác (nếu có): Không có |
| E-CDNT 26.3 | Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: Không quy định. |
| E-CDNT 28.4 | Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: Bao gồm chi phí dự phòng cho các yếu tố rủi ro về khối lượng công việc và trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng tương ứng với trách nhiệm quản lý rủi ro giao cho nhà thầu. |
| E-CDNT 31 | - Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng. - Tỷ lệ tùy chọn mua thêm tối đa là: 0 %. |
| E-CDNT 32.2 | Nhà thầu phải gửi văn bản chấp thuận hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu. |
| E-CDNT 33.2 | - Địa chỉ của Người có thẩm quyền: Ông Đào Nguyên Hưng - Viện trưởng, Viện Nghiên cứu Khoa học và Thiết kế, Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro Số 105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh Điện thoại: 0254.3839871 - Ext 2274; Fax: 0254.3563 373. - Địa chỉ của bộ phận thường trực giúp việc Hội đồng tư vấn: Văn thư, Viện Nghiên cứu Khoa học và Thiết kế, Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro. 105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh. Điện thoại: 0254.3839871 - Ext 2274; Fax: 0254.3563 373. |
| E-CDNT 34 | Địa chỉ của tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát: Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro, Viện Nghiên cứu Khoa học và Thiết kế. Địa chỉ: 105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh. Điện thoại: 0254.3839871 - Ext 2274; Fax: 0254.3563373. |



Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu (đã mặc định trong đơn dự thầu xuất từ hệ thống) phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Không có tên trong hai hoặc nhiều E-HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu không có tên trong hai hoặc nhiều E-HSDT với tư cách là nhà thầu chính đối với phần mà nhà thầu tham dự thầu.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong điều khoản tham chiếu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.
3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.
4. Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Theo tài liệu “Bảng điểm đánh giá kỹ thuật” quy định tại Phần 4 - Phụ lục.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Phương pháp giá thấp nhất

Xác định giá thấp nhất:

- Xác định giá dự thầu;
- Hiệu chỉnh sai lệch hay sửa lỗi nếu có (nếu có);
- Trừ giá trị giảm giá (nếu có);
- Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện HSDT đáp ứng căn bản HSMT, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công



việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSMT của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong HSMT của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các HSMT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSMT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSMT của nhà thầu này; trường hợp HSMT của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.



CHƯƠNG IV - BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

| STT | Biểu mẫu | Cách thực hiện | Trách nhiệm thực hiện | |
|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------|----------|
| | | | Chủ đầu tư | Nhà thầu |
| 1 | Mẫu số 01. Hạng mục công việc của gói thầu | Scan đính kèm lên Hệ thống | x | |
| E-HSDXKT | | | | |
| 2 | Mẫu số 02. Đơn dự thầu thuộc E-HSDXKT | Webform và Scan đính kèm lên Hệ thống | | x |
| 3 | Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh | Scan đính kèm lên Hệ thống | | x |
| 4 | Mẫu số 04. Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu | | | x |
| 5 | Mẫu số 05. Những góp ý (nếu có) để hoàn thiện nội dung điều khoản tham chiếu | | | x |
| 6 | Mẫu số 06. Giải pháp và phương pháp luận tổng quát do nhà thầu đề xuất để thực hiện dịch vụ tư vấn (DVTV) | | | x |
| 7 | Mẫu số 07: Lý lịch chuyên gia tư vấn | | | x |
| 8 | Mẫu số 08: Tiến độ thực hiện công việc | | | x |
| 9 | Mẫu số 09: Danh sách chuyên gia tham gia thực hiện DVTV | | | x |
| 10 | Mẫu số 10. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ | | | x |
| E-HSDXTC | | | | |
| 11 | Mẫu số 11. Đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC | Webform và Scan đính kèm lên Hệ thống | | x |
| 12 | Mẫu số 14. Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng | Scan đính kèm lên Hệ thống | | x |



HẠNG MỤC CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU

Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng

| STT | Mô tả công việc | Đơn vị tính | Số lượng |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) |
| 1 | Đề xuất phương pháp nghiên cứu tối ưu cho mẫu dầu và condensate bình tách phù hợp quy trình phân chia sản phẩm mỏ Nam Rồng - Đồi Mồi. | Gói | 01 |
| 2 | Điều chỉnh các mẫu bình tách phù hợp với chế độ làm việc trên các giàn RC-6, RC-5, RC-4, RC-DM, RP-1. | Gói | 01 |
| 3 | Xử lý và đánh giá các kết quả mô phỏng và các thí nghiệm tách đa bậc | Gói | 01 |
| 4 | Tư vấn tổng hợp và đánh giá kết quả các thí nghiệm tách mô phỏng FSO. | Gói | 01 |
| 5 | Xử lý và đánh giá kết quả các thí nghiệm xây dựng quan hệ đẳng nhiệt tỷ trọng dầu/condensate với áp suất, thể tích dầu với áp suất. | Gói | 01 |
| 6 | Tổng hợp kết quả và tính toán hồi quy cho tỷ trọng và hệ số co ngót dầu/condensate, theo áp suất và nhiệt độ. | Gói | 01 |
| 7 | Lựa chọn số liệu phù hợp để đưa vào mô hình phân chia sản phẩm mỏ Nam Rồng - Đồi Mồi. | Gói | 01 |
| 8 | Tổng hợp kết quả công việc và hoàn thiện Báo cáo tổng hợp. | Gói | 01 |



ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾
(trích xuất từ hệ thống)
(thuộc E-HSDXKT)



THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày _ tháng _ năm ____

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [ghi tên dự án]

Căn cứ ² _____ [Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2013 của Quốc hội];

Căn cứ ³ _____ [Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] ngày _ tháng _ năm _ [ngày được ghi trên HSMT];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Giấy ủy quyền số _ ngày _ tháng _ năm _ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

- Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [ghi tên dự án].
- Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].
- Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, tất cả các thành viên của liên danh sẽ tham gia ký kết hợp đồng và không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận hoặc vi phạm các quy định của hợp đồng đã ký kết thì thành viên đó bị xử lý như sau:
 - Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
 - Cùng các thành viên trong liên danh bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng (tương ứng theo tỷ lệ của từng

thành viên đã quy định tại Điều 2 Thỏa thuận này);

- Hình thức xử lý khác ____ [*ghi rõ hình thức xử lý khác*].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án ____ [*ghi tên dự án*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [*ghi tên một bên*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁴:

[- *Ký đơn dự thầu;*

- *Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ E-HSMT và văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT, sửa đổi, thay thế E-HSDT;*
- *Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;*
- *Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;*
- *Thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng cho cả liên danh trong trường hợp liên danh trúng thầu*
- *Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*
- *Thực hiện tất cả các nghĩa vụ của liên danh không được nêu trong Bảng phân công trách nhiệm giữa các thành viên liên danh ở mục 2 dưới đây;*
- *Thực hiện các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].*

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện các công việc cụ thể theo bảng dưới đây⁵:

| STT | Tên | Nội dung công việc đảm nhận | Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu | Giá trị theo tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu |
|------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| 1 | Tên thành viên thứ nhất (thành viên đứng đầu liên danh) | - Công việc 1: _____ | _____ % | _____ VNĐ/USD |
| | | - Công việc 2: _____ | | |
| | | - Công việc 3: _____ | | |
| | | | | |
| 2 | Tên thành viên thứ 2 | - Công việc 1: _____ | _____ % | _____ VNĐ/USD |
| | | - Công việc 2: _____ | | |
| | | - Công việc 3 _____ | | |
| | | | | |
| Tổng cộng | | Toàn bộ công việc của gói thầu | 100% | _____ VNĐ/USD |



3. Phương thức thanh toán cho liên danh trong trường hợp trúng thầu và ký hợp đồng với chủ đầu tư như sau:
 - Chủ đầu tư sẽ thanh toán trực tiếp cho từng thành viên liên danh theo tiến độ thanh toán được qui định trong hợp đồng với giá trị được phân chia tương ứng với tỷ lệ khối lượng công việc đã được các thành viên liên danh thống nhất và nêu trong cột (4) Bảng phân công trách nhiệm ở mục 2 của thỏa thuận liên danh này.
 - Từng thành viên của Liên danh sẽ phát hành Hóa đơn hợp pháp đúng với phần giá trị công việc đã được thành viên liên danh đó thực hiện theo tiến độ từng đợt thanh toán được qui định trong hợp đồng.

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Trong trường hợp liên danh trúng thầu, Thỏa thuận liên danh này là một phần không tách rời của hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư và chỉ chấm dứt hiệu lực khi các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và thanh lý xong hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu ___ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án ___ [*ghi tên dự án*] theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành ___ bản, mỗi bên giữ ___ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[*ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

- ¹ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.
- ² Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- ³ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- ⁴ Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.
- ⁵ Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.



**CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM
CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN**

A. Cơ cấu tổ chức của nhà thầu

[Mô tả tóm tắt quá trình hình thành và tổ chức của nhà thầu (trường hợp liên danh thì mô tả tổ chức của mỗi thành viên trong liên danh). Mô tả số lượng chuyên gia tư vấn chuyên ngành mà nhà thầu ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn và nêu rõ số năm kinh nghiệm của từng chuyên gia].

B. Kinh nghiệm của nhà thầu

Các gói thầu DVTV tương tự do nhà thầu thực hiện trong vòng _____ [Ghi số năm]¹ năm gần đây.

Nhà thầu phải sử dụng bảng sau để kê khai cho mỗi DVTV tương tự như DVTV được yêu cầu trong gói thầu này mà nhà thầu đã thực hiện (với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác hoặc là nhà thầu phụ). Đối với từng công việc tương tự, nhà thầu tư vấn phải cung cấp bản tóm tắt bao gồm tên của nhân sự chủ chốt và nhà thầu phụ của nhà thầu đã tham gia, thời gian thực hiện công việc, giá hợp đồng (trường hợp nhà thầu tham dự thầu là thành viên liên danh hoặc là nhà thầu phụ thì ghi rõ khối lượng công việc, giá trị đảm nhận với vai trò thành viên liên danh, thầu phụ).

Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của các chuyên gia với vai trò tư vấn cá nhân hoặc làm chuyên gia cho các nhà thầu tư vấn khác chỉ được tính vào kinh nghiệm làm việc của bản thân chuyên gia, không tính vào kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu nộp E-HSDT.

| Thời gian | Tên công việc [mô tả tóm tắt các kết quả, sản phẩm chính] | Tên gói thầu, tên dự án/dự toán mua sắm, Chủ đầu tư, địa điểm làm việc | Giá trị hợp đồng (trường hợp liên danh thì nêu giá trị DVTV do nhà thầu thực hiện) | Vai trò trong công việc [ghi nhà thầu, nhà thầu phụ, thành viên trong liên danh] | Thời gian thực hiện gói thầu [ghi rõ từ ngày... đến ngày...] | Thời gian thực hiện gói thầu thực tế [từ ngày... đến ngày...] Trường hợp chậm trễ thì nêu rõ lý do |
|-----------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | | | | | |
| | | | | | | |

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan.

Đại diện nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

¹ Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường là 3, 4 hoặc 5 năm, đối với nhà thầu thành lập ít hơn 3 năm vẫn tiếp tục xem xét, đánh giá mà không loại nhà thầu).



**NHỮNG GÓP Ý (NẾU CÓ) ĐỂ HOÀN THIỆN
NỘI DUNG ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

[Nhà thầu trình bày những nội dung sửa đổi để hoàn thiện điều khoản tham chiếu nhằm thực hiện hợp đồng]

Đề xuất bổ sung, sửa đổi điều khoản tham chiếu:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.

Đại diện nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



**GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT
DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN**

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất kỹ thuật (cả biểu đồ) gồm 3 phần:

- 1. Giải pháp và phương pháp luận*
- 2. Kế hoạch công tác*
- 3. Tổ chức và nhân sự*

Giải pháp và phương pháp luận. [Mô tả hiểu biết về mục tiêu của công việc ghi trong Điều khoản tham chiếu, cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận sẽ áp dụng để thực hiện công việc nhằm đạt được kết quả dự kiến và mức độ chi tiết của kết quả đó. Đối với gói thầu tư vấn giám sát, giải pháp và phương pháp luận cần bao gồm cả khía cạnh môi trường, xã hội. Nhà thầu lưu ý không sao chép, nhắc lại Điều khoản tham chiếu trong phân này]

Kế hoạch thực hiện. [Đưa ra kế hoạch thực hiện các hoạt động/công việc chính, nội dung và thời gian hoạt động, phân kỳ hoạt động và tương quan giữa các kỳ, các mốc chính (bao gồm các bước phê duyệt tạm thời của Chủ đầu tư) và ngày dự kiến giao nộp báo cáo. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận, thể hiện sự hiểu biết về Điều khoản tham chiếu và khả năng chuyển Điều khoản tham chiếu thành kế hoạch thực hiện khả thi. Cần đính kèm danh sách các tài liệu hoàn chỉnh (bao gồm báo cáo) sẽ phải giao nộp. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với Kế hoạch tiến độ]

Tổ chức và Nhân sự. [Mô tả cơ cấu và thành phần nhóm chuyên gia, bao gồm danh sách các nhân sự chủ chốt, nhân sự khác, nhân viên hỗ trợ kỹ thuật và hành chính liên quan]

Đại diện nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN

Tên nhà thầu:

| | |
|-----------------------------|---------------------------|
| Tên và số của vị trí tư vấn | [Ví dụ: K-1, TRƯỞNG NHÓM] |
| Tên chuyên gia tư vấn: | [điền tên đầy đủ] |
| Ngày sinh: | [ngày/tháng/năm] |
| Quốc tịch | |

Trình độ học vấn: {liệt kê trường cao đẳng/đại học hoặc khóa học chuyên ngành, nêu tên của cơ sở đào tạo, thời gian học, loại bằng cấp đã đạt được}

Quá trình công tác phù hợp với công việc: [Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia theo Bảng sau, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp với công việc đang yêu cầu]

| Thời gian (từ...đến...) | Tên cơ quan, đơn vị, vị trí đảm nhận và thông tin liên hệ để tham chiếu | Địa điểm làm việc | Tóm tắt công việc đã làm phù hợp với công việc đang yêu cầu |
|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------|
| | | | |
| | | | |
| | | | |

Thành viên của Hiệp hội chuyên ngành, tổ chức nghề nghiệp và tác phẩm đã xuất bản: _____

Ngôn ngữ (Chỉ nêu những ngôn ngữ có thể dùng để làm việc):



Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người khai

[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]

Ghi chú:

- Từng cá nhân chuyên gia tư vấn trong danh sách nêu tại Mẫu số 09 phải kê khai Mẫu này.

- Nhà thầu scan hợp đồng lao động; bản chụp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn của các chuyên gia tư vấn nêu trên đính kèm cùng E-HSDT.



TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

| Stt | Nội dung công việc ⁽¹⁾ | Tháng/ngày thứ ⁽²⁾ [Nhà thầu chọn tháng hoặc ngày trên Hệ thống] | | | | | | | |
|----------|--------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---|-------|---|------|
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | n | Tổng |
| 1 | [Ví dụ: Hạng mục công việc 1] | | | | | | | | |
| | 1) Thu thập dữ liệu | | | | | | | | |
| | 2) Soạn thảo báo cáo | | | | | | | | |
| | 3) Báo cáo sơ bộ | | | | | | | | |
| | 4) Tổng hợp ý kiến | | | | | | | | |
| | 5) ... | | | | | | | | |
| | 6) Báo cáo cuối cùng] | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| 2 | [Hạng mục công việc 2] | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | |
| n | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |

Ghi chú:

- (1) Liệt kê tất cả hạng mục công việc, trong mỗi hạng mục công việc phải nêu tiến độ thực hiện các công việc cụ thể.
- (2) Thời gian cho mỗi công việc cụ thể thể hiện bằng biểu đồ, trường hợp cần thiết nhà thầu có ghi chú, giải thích biểu đồ.

Đại diện nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



DANH SÁCH CHUYÊN GIA THAM GIA THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

| Stt | Tên | Số định danh/CMTND/căn cước công dân/Hộ chiếu | Chức danh bổ trí trong gói thầu | Cách thức huy động | Địa điểm làm việc | Số công [Chọn người /tháng hoặc người/ ngày] ¹ | | | Tổng số tháng công/ngày công |
|-----------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------|------------------|------------------------------|
| | | | | | | Hạng mục công việc 1 | Hạng mục công việc 2 | ... ² | |
| I | Nhân sự chủ chốt³ | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Văn A | | <i>[Theo vị trí nêu tại Biểu 3 Chương III]</i> | <i>[Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê]</i> | <i>[Công ty]</i> | | | | |
| | | | | | <i>[Thực địa]</i> | | | | |
| 2 | | | | | <i>[Công ty]</i> | | | | |
| | | | | | <i>[Thực địa]</i> | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | Số công nhân sự chủ chốt | | | | | | | | |
| II | Nhân sự khác | | | | | | | | |
| 1 | | | <i>[Nhà thầu điền]</i> | <i>Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê]</i> | <i>[Công ty]</i> | | | | |
| | | | | | <i>[Thực địa]</i> | | | | |
| 2 | | | | | <i>[Công ty]</i> | | | | |
| | | | | | <i>[Thực địa]</i> | | | | |
| | Số công nhân sự khác | | | | | | | | |

Ghi chú:

- (1) Trường hợp Mục 14.3 BDL có quy định, nhà thầu chọn người/tháng hoặc người/ngày phù hợp với quy định tại Mục này; nhà thầu phải đề xuất tổng số công cho nhân sự chủ chốt không ngắn hơn quy định tại Mục 14.3 BDL.
- (2) Hạng mục công việc theo Mẫu số 08.
- (3) Vị trí, số lượng nhân sự chủ chốt phù hợp với yêu cầu nêu tại Bảng số 01 Mục 2 Chương III.

Đại diện nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ ⁽¹⁾

| STT | Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾ | Phạm vi công việc ⁽³⁾ | Khối lượng công việc ⁽⁴⁾ | Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾ | Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ ⁽⁶⁾ |
|-----|---------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| 3 | | | | | |
| 4 | | | | | |
| ... | | | | | |

Ghi chú:

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Sau đó, nếu được lựa chọn thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT.

Đại diện nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾
(thuộc E-HSDXTC)



**CHI PHÍ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC
DỰA TRÊN ĐƠN GIÁ VÀ KHỐI LƯỢNG**

| STT | Mô tả công việc | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá (không bao gồm thuế GTGT) | Thành tiền (không bao gồm thuế GTGT) |
|------------------------------------------------------|-----------------|-------------|----------|-----------------------------------|--------------------------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6)=(4)*(5) |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Tổng cộng giá dự thầu không bao gồm thuế GTGT | | | | | |
| Thuế GTGT ...% | | | | | |
| Tổng cộng giá dự thầu bao gồm thuế GTGT | | | | | |

Ghi chú:

- (1) (2) (3) (4): Từ Mẫu số 01
- (5) (6): Nhà thầu điền đơn giá đã bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện dịch vụ, kể cả thuế, phí, lệ phí (nhưng không bao gồm thuế GTGT).

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU
CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

(Theo tài liệu “Yêu cầu kỹ thuật” đính kèm tại Phần 4. Phụ lục)



PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

| | |
|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Định nghĩa | <p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc tư vấn;</p> <p>1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày;</p> <p>1.8. “Dịch vụ tư vấn” là toàn bộ công việc do Nhà thầu thực hiện theo hợp đồng được miêu tả trong Điều khoản tham chiếu;</p> <p>1.9. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất toàn bộ công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.10. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.11. “Ngày hợp đồng có hiệu lực” là ngày được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.12. “Chi phí khác” là tất cả chi phí ngoài lương của tư vấn có liên quan đến DVTV;</p> <p>1.13 “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.</p> |
| 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên | <p>2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</p> <p>b) E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);</p> <p>c) Biên bản đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng;</p> <p>d) E-ĐKC của hợp đồng;</p> <p>đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>e) Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;</p> |



| | |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | <p>g) E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu (nếu có);</p> <p>h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);</p> <p>i) Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng;</p> <p>b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có);</p> <p>d) Tài liệu khác (nếu có).</p> |
| <p>3. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng</p> | <p>3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam.</p> <p>3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p> |
| <p>4. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng</p> | <p>4.1. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của nhà thầu trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư, trừ khi có quy định khác tại E-ĐKCT. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.</p> <p>4.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.</p> <p>4.3. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.</p> <p>4.4. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 4.2 và Mục 4.3 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:</p> <p>a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;</p> <p>b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu;</p> <p>c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước</p> |



| | |
|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | <p>đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;</p> <p>d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.</p> <p>4.5. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ tư vấn.</p> <p>4.6. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p> |
| 5. Bản quyền | <p>5.1. Trừ trường hợp E-ĐKCT có quy định khác, tất cả báo cáo, số liệu và thông tin có liên quan như bản đồ, sơ đồ, kế hoạch, cơ sở dữ liệu, các tài liệu khác do Nhà thầu tổng hợp hoặc thực hiện cho Chủ đầu tư trong quá trình thực hiện hợp đồng phải được bảo mật và thuộc quyền sở hữu duy nhất của Chủ đầu tư.</p> <p>Ngay khi chấm dứt hay hết hạn Hợp đồng, Nhà thầu có nghĩa vụ nộp tất cả các tài liệu nêu trên cho Chủ đầu tư kèm theo bản kê chi tiết về các tài liệu. Nhà thầu có thể lưu giữ bản sao của các tài liệu, dữ liệu, phần mềm này nhưng không được sử dụng cho các mục đích không liên quan đến Hợp đồng khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.</p> <p>5.2. Trường hợp phải có thỏa thuận cho phép sử dụng giữa Nhà thầu và bên thứ ba để lập, xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm khác, Nhà thầu phải được Chủ đầu tư chấp thuận trước bằng văn bản đối với các thỏa thuận này. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu bù đắp các chi phí liên quan đến việc xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm nêu trên.</p> <p>5.3. Nhà thầu phải cam kết rằng dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào.</p> <p>5.4. Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư.</p> |
| 6. Bảo hiểm | <p>6.1. Nhà thầu phải mua và duy trì đồng thời yêu cầu các nhà thầu phụ (nếu có) mua và duy trì bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>6.2. Nhà thầu phải bảo đảm mua các loại bảo hiểm đó trước khi thực hiện công việc tư vấn.</p> |
| 7. Loại hợp đồng | Loại hợp đồng: được quy định tại E-ĐKCT . |
| 8. Giá hợp đồng | Giá hợp đồng quy định tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành toàn bộ nội dung công việc của gói thầu trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của E-HSMT. |
| 9. Thuế, phí | Nhà thầu, nhà thầu phụ có trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ thuế, phí |



| | |
|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | (nếu có) phát sinh từ Hợp đồng. |
| 10. Tạm ứng và thanh toán | Việc tạm ứng và thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT . |
| 11. Bảo hành sản phẩm của dịch vụ | Việc bảo hành sản phẩm của dịch vụ thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT . |
| 12. Thời gian thực hiện hợp đồng | Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại E-ĐKCT . |
| 13. Sửa đổi hợp đồng | <p>13.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp cần phải thay đổi các điều khoản trong hợp đồng thì trong thời hạn nêu tại E-ĐKCT kể từ khi nhận được đề nghị sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc sửa đổi này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> <p>13.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng;</p> <p>c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho Chủ đầu tư;</p> <p>d) Tạm dừng hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu;</p> <p>đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Chủ đầu tư, nhà thầu;</p> <p>e) Các trường hợp khác theo quy định của E-ĐKCT</p> <p>Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất điều chỉnh, trường hợp vượt thì Chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh khi được người có thẩm quyền cho phép.</p> <p>13.3. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> |
| 14. Nhân sự | 14.1. Nhà thầu phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong E-HSDT trừ trường hợp Chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự theo |



| | |
|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | <p>quy định tại Mục 27 E-CDNT thì nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.</p> <p>14.2. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự trong trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình hoặc không đúng với nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại E-ĐKCT, nhà thầu phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được Chủ đầu tư chấp nhận. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.</p> |
| <p>15. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu</p> | <p>15.1. Quyền của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện dịch vụ tư vấn; b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng; c) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả); d) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn theo quy định tại Mục 10 Chương này. <p>15.2. Nghĩa vụ của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình; b) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện; c) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức (nếu có); d) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng Nhà thầu phụ (nếu có), nhân lực của Nhà thầu và Nhà thầu phụ sẽ luôn tuân thủ pháp luật. Phải cam kết khi có yêu cầu của Chủ đầu tư, nhà thầu hoặc nhà thầu phụ sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn; đ) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư; e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc tư vấn theo Hợp đồng; g) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định. |



| | |
|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>16. Nhà thầu phụ</p> | <p>16.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>Việc thay thế, bổ sung Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát (nếu có) chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho Nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng Nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu;</p> <p>16.2. Giá trị công việc mà các Nhà thầu phụ quy định tại Mục 16.1 E-ĐKCT thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng nêu tại E-ĐKCT.</p> <p>16.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và Nhà thầu phụ</p> <p>16.4. Yêu cầu khác về Nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT.</p> |
| <p>17. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại</p> | <p>Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại E-ĐKCT.</p> |
| <p>18. Tạm dừng hợp đồng</p> | <p>18.1. Chủ đầu tư có thể tạm dừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Nhà thầu bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc tạm dừng nếu nhà thầu không thực hiện một nghĩa vụ cụ thể nào của mình theo Hợp đồng với điều kiện thông báo đó phải (i) nêu rõ nội dung của việc không thực hiện được; và (ii) yêu cầu Nhà thầu có biện pháp khắc phục trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày sau khi Nhà thầu nhận được thông báo tạm dừng đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại (nếu có) cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc</p> <p>18.2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu</p> <p>a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).</p> <p>b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.</p> <p>c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.</p> <p>d) Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết bằng văn bản trong đó nêu rõ</p> |



| | |
|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | lý do tạm ngừng công việc thực hiện. |
| 19. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu | <p>19.1. Chủ đầu tư có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu khi nhà thầu không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho nhà thầu khi phát hiện nhà thầu lâm vào tình trạng phá sản mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p> <p>19.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo Mục 19.1 E-ĐKC, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.</p> |
| 20. Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư | Nhà thầu có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-ĐKCT . |
| 21. Trường hợp bất khả kháng | <p>21.1. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cản trở và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>21.2. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.</p> <p>21.3. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.</p> <p>21.4. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian</p> |



| | |
|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | <p>bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.</p> <p>21.5. Trong thời gian không thực hiện được Dịch vụ do sự kiện bất khả kháng, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu có nghĩa vụ:</p> <p>(a) Ngừng huy động chuyên gia, trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ được hoàn trả những chi phí phát sinh mà họ phải chi trả một cách hợp lý và cần thiết. Trường hợp được Chủ đầu tư yêu cầu phục hồi lại Dịch vụ thì nhà thầu còn được hoàn trả chi phí này; hoặc</p> <p>(b) Tiếp tục thực hiện Dịch vụ trong chừng mực có thể; trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ tiếp tục được thanh toán theo điều khoản của Hợp đồng và được hoàn trả những chi phí phát sinh thêm một cách hợp lý và cần thiết.</p> <p>Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 22 Chương này.</p> <p>21.6. Chấm dứt hợp đồng và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có)</p> <p>a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.</p> <p>b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng. - Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho gói thầu (nếu có) đã được chuyển tới cho Nhà thầu. Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu sẽ để cho Chủ đầu tư sử dụng. |
| <p>22. Giải quyết tranh chấp</p> | <p>22.1. Nhà thầu và Chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hoà giải.</p> <p>22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hoà giải trong thời gian quy định tại E-ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định trong E-ĐKCT.</p> |
| <p>23. Thông báo</p> | <p>23.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ được ghi trong E-ĐKCT.</p> <p>23.2. Thông báo của một bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p> |



CHƯƠNG VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

| | |
|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| E-ĐKC 1.1 | Chủ đầu tư: Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro, Viện Nghiên cứu Khoa học và Thiết kế |
| E-ĐKC 1.3 | Nhà thầu: theo kết quả lựa chọn nhà thầu |
| E-ĐKC 1.10 | Địa điểm dự án: Nhà thầu bố trí phương thức và địa điểm làm việc cho các chuyên gia. |
| E-ĐKC 1.11 | Ngày hợp đồng có hiệu lực: kể từ ngày hai Bên ký hợp đồng. |
| E-ĐKC 2.2 (i) | Các tài liệu khác: không có |
| E-ĐKC 4.1 | Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Nhà thầu có trách nhiệm giữ bí mật, không được chuyển giao kết quả công việc cũng như toàn bộ tài liệu, thông tin liên quan đến dịch vụ này bằng bất kỳ hình thức nào cho Bên thứ ba khi chưa có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bên mời thầu. |
| E-ĐKC 5.1 | Các trường hợp khác: không có |
| E-ĐKC 7 | Loại hợp đồng: trọn gói. |
| E-ĐKC 8 | Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp. Giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu. |
| E-ĐKC 10 | 10.1. Tạm ứng: Không áp dụng. 10.2. Thanh toán: <ul style="list-style-type: none">- Phương thức thanh toán: chuyển khoản- Đồng tiền thanh toán: VND- Số lần thanh toán: 1 lần- Thời hạn thanh toán: 30 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán theo quy định trong hợp đồng. |
| E-ĐKC 11 | Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không áp dụng. |
| E-ĐKC 12 | Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 03 tháng kể từ ngày ký biên bản bắt đầu thực hiện dịch vụ. |
| E-ĐKC 13.1 | Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu điều chỉnh hợp đồng căn cứ yêu cầu cụ thể của nội dung điều chỉnh. |
| E-ĐKC 13.2 (e) | Các trường hợp khác: không có. |
| E-ĐKC 14.2 | Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư. |
| E-ĐKC 16.1 | Danh sách nhà thầu phụ: Không quy định. |
| E-ĐKC 16.2 | Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá |

| | |
|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | ___ giá hợp đồng: Không quy định. |
| E-ĐKC 16.4 | Yêu cầu khác về nhà thầu phụ: Không quy định. |
| E-ĐKC 17 | <p>1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng. Nhà thầu bị phạt theo mức 0,2%/ngày lịch trên tổng giá trị Hợp đồng cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng. Tổng số tiền phạt không vượt quá: 8% giá trị Hợp đồng. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng. Quy định về bồi thường thiệt hại: Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.</p> |
| E-ĐKC 19.1 | Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu: theo quy định trong Hợp đồng mẫu E-HSMT này. |
| E-ĐKC 20 | Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư: theo quy định trong Hợp đồng mẫu E-HSMT này. |
| E-ĐKC 22.2 | Giải quyết tranh chấp: theo quy định trong Hợp đồng mẫu E-HSMT này. |
| E-ĐKC 23.1 | <p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ liên lạc của Người có thẩm quyền: Viện trưởng, Viện Nghiên cứu Khoa học và Thiết kế, Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro, 105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh Điện thoại: 0254 3 839 871 - Ext 2274 Fax: 0254 3 563 373 - Địa chỉ liên lạc của nhà thầu: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____ |



CHƯƠNG VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mẫu số 16

THƯ CHẤP THUẬN E-HỒ SƠ DỰ THẦU VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu, sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”]

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-Hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng*

Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro thông báo Quý LD/Công ty đã trúng thầu gói thầu “.....” số, với các nội dung chính như sau:

- Giá trị trúng thầu: VND (Bằng chữ: đồng), đã bao gồm thuế GTGT%.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện hợp đồng:

Để đảm bảo việc hoàn thiện ký kết hợp đồng giữa hai Bên, đề nghị Quý LD/Công ty gửi văn bản xác nhận nội dung nêu trên trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận công văn này.

Trân trọng./.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG SỐ/...../VNCKH-....

V/v: Thuê dịch vụ xử lý số liệu và lập báo cáo cho dự án “Lấy mẫu và phân tích mẫu chất lưu phục vụ phân chia sản phẩm mỏ Nam Rồng - Đồi Mồi năm 2026”.

Gói thầu số DV-979/26-NIPI-DA-TTH/HSMT

- Căn cứ vào nhu cầu của Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro và khả năng cung cấp của Công ty
- Căn cứ Báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu thuê dịch vụ xử lý số liệu và lập báo cáo cho dự án “Lấy mẫu và phân tích mẫu chất lưu phục vụ phân chia sản phẩm mỏ Nam Rồng - Đồi Mồi năm 2026” và Thông báo chấp thuận E-Hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng của Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro.

Hôm nay, ngày tháng năm, chúng tôi, đại diện các Bên ký hợp đồng này, gồm có:

BÊN A: **LIÊN DOANH VIỆT - NGA VIETSOVPETRO, VIỆN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ THIẾT KẾ**

Địa chỉ: 105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0254.3839871 (2274) Fax: 0254.3563373

Số tài khoản: 008.100.005.9307 tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh Vũng Tàu

Mã số thuế: 3500102414

Do Ông: **Đào Nguyên Hưng** - Viện trưởng Viện NCKH&TK làm đại diện theo Giấy ủy quyền số/UQ-PL ngày của Tổng Giám đốc Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro.

BÊN B: **CÔNG TY**

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Số tài khoản: – Ngân hàng

Mã số thuế:

Do Ông/Bà: - Giám đốc Công ty làm đại diện.

Hai Bên cùng thống nhất ký hợp đồng này với các điều khoản như sau:



Điều 1. Đối tượng hợp đồng và yêu cầu thực hiện dịch vụ

1.1. Đối tượng hợp đồng: Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện dịch vụ xử lý số liệu và lập báo cáo cho dự án “Lấy mẫu và phân tích mẫu chất lưu phục vụ phân chia sản phẩm mỏ Nam Rồng - Đồi Mồi năm 2026” (sau đây gọi tắt là “dịch vụ”).

1.2. Yêu cầu thực hiện dịch vụ:

1.2.1. Phạm vi dịch vụ: Bao gồm bố trí chuyên gia nhiều kinh nghiệm tham gia trực tiếp đáp ứng yêu cầu công việc và thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu theo yêu cầu của hợp đồng.

1.2.2. Phương thức thực hiện: Trên cơ sở số liệu phân tích PVT mẫu chất lưu được thực hiện bởi các chuyên viên/kỹ sư của Bên A, các chuyên gia của Bên B sẽ tiến hành phân tích số liệu, tính toán cân bằng pha - cân bằng vật chất, xử lý số liệu thành phần khí và lập báo cáo tính chất lý-hóa mẫu chất lưu phục vụ phân chia sản phẩm mỏ Nam Rồng - Đồi Mồi.

1.2.3. Yêu cầu về nhiệm vụ nghiên cứu:

- Đề xuất phương pháp nghiên cứu mẫu dầu và condensate bình tách phù hợp quy trình phân chia sản phẩm mỏ Nam Rồng - Đồi Mồi.
- Tư vấn điều chỉnh các mẫu bình tách phù hợp với sơ đồ công nghệ trong quy trình phân chia sản phẩm mỏ Nam Rồng - Đồi Mồi.
- Tư vấn tổng hợp và đánh giá kết quả các thí nghiệm tách đa bậc, mô phỏng tách tại FSO.
- Xử lý và đánh giá kết quả các thí nghiệm xây dựng quan hệ đẳng nhiệt tỷ trọng dầu/condensate với áp suất, thể tích dầu với áp suất.
- Tổng hợp kết quả và tính toán hồi quy cho tỷ trọng và hệ số co ngót dầu/condensate, theo áp suất và nhiệt độ.
- Lựa chọn số liệu phù hợp để đưa vào mô hình phân chia sản phẩm mỏ Nam Rồng - Đồi Mồi.
- Tổng hợp và hoàn thiện báo cáo.

E-Hồ sơ mời thầu của Bên A và E-Hồ sơ dự thầu của Bên B cho gói thầu số DV-979/26-NIPI-DA-TTH/HSMT là tài liệu tham chiếu về kỹ thuật cho việc thực hiện dịch vụ của hợp đồng này.

Điều 2. Giá trị hợp đồng

2.1. Tổng giá trị của hợp đồng: VNĐ (đã bao gồm thuế GTGT%)
(Bằng chữ: đồng).

Trong đó: - Giá trị dịch vụ: VNĐ

- Thuế GTGT%: VNĐ

Chi tiết bảng giá hợp đồng như sau:



| STT | Hạng mục dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|------------------|---------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=4*5 |
| 1 | Đề xuất phương pháp nghiên cứu tối ưu cho mẫu dầu và condensate bình tách phù hợp quy trình phân chia sản phẩm mỏ Nam Rồng - Đồi Mồi. | Gói | 01 | | |
| 2 | Điều chỉnh các mẫu bình tách phù hợp với chế độ làm việc trên các giàn RC-6, RC-5, RC-4, RC-DM, RP-1. | Gói | 01 | | |
| 3 | Xử lý và đánh giá các kết quả mô phỏng và các thí nghiệm tách đa bậc | Gói | 01 | | |
| 4 | Tư vấn tổng hợp và đánh giá kết quả các thí nghiệm tách mô phỏng FSO. | Gói | 01 | | |
| 5 | Xử lý và đánh giá kết quả các thí nghiệm xây dựng quan hệ đẳng nhiệt tỷ trọng dầu/condensate với áp suất, thể tích dầu với áp suất. | Gói | 01 | | |
| 6 | Tổng hợp kết quả và tính toán hồi quy cho tỷ trọng và hệ số co ngót dầu/condensate, theo áp suất và nhiệt độ. | Gói | 01 | | |
| 7 | Lựa chọn số liệu phù hợp để đưa vào mô hình phân chia sản phẩm mỏ Nam Rồng - Đồi Mồi. | Gói | 01 | | |
| 8 | Tổng hợp kết quả công việc và hoàn thiện Báo cáo tổng hợp. | Gói | 01 | | |
| Tổng giá trị dịch vụ chưa bao gồm thuế GTGT | | | | | |
| Thuế GTGT% | | | | | |
| Tổng giá trị dịch vụ đã bao gồm thuế GTGT | | | | | |

Thuế GTGT hiện tại của hợp đồng là tạm tính, được điều chỉnh theo Luật thuế GTGT tại thời điểm xuất hóa đơn.

- 2.2. Giá trị hợp đồng nêu trên bao gồm giá trị dịch vụ và các loại phí do Bên B chi trả cùng các chi phí khác liên quan đến việc thực hiện hợp đồng này. Đơn giá hợp đồng nêu trên là giá cố định và không thay đổi trong suốt thời gian hợp đồng có hiệu lực.

Điều 3. Thời gian và địa điểm thực hiện dịch vụ

- 3.1. Thời gian thực hiện dịch vụ: Trong vòng 03 tháng kể từ ngày ký biên bản bắt đầu thực hiện dịch vụ.



Tham chiếu gói thầu của hợp đồng này, Bên A đã đánh giá và lựa chọn nhà thầu cung cấp trọn gói, thời gian thực hiện dịch vụ trên áp dụng cho trọn gói.

Thời gian bắt đầu thực hiện dịch vụ: Được xác định trên cơ sở “Biên bản bắt đầu thực hiện dịch vụ” (Mẫu MS 01 - Phụ lục số 01).

- 3.2. Địa điểm làm việc: Bên B bố trí phương thức và địa điểm làm việc cho các chuyên gia của mình.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên A

- 4.1 Cung cấp đầy đủ tài liệu, số liệu thí nghiệm phân tích phù hợp với chương trình làm việc của các chuyên gia.
- 4.2 Cung cấp thông tin khi có sự thay đổi về công nghệ kết nối, vận chuyển sản phẩm.
- 4.3 Giám sát kiểm tra tiến độ và kết quả công việc phù hợp với chương trình làm việc.
- 4.4 Phối hợp với Bên B tiến hành giao nhận kết quả và nghiệm thu dịch vụ sau khi Bên B kết thúc dịch vụ và đáp ứng chất lượng dịch vụ theo quy định của hợp đồng.
- 4.5 Thanh toán đúng và đủ cho Bên B dựa trên khối lượng công việc thực tế Bên B đã hoàn thành phù hợp với các quy định hợp đồng này.

Điều 5. Trách nhiệm của Bên B

- 5.1. Bên B bằng nhân lực, phương tiện, chi phí của mình đảm bảo thực hiện đúng yêu cầu nội dung công việc như quy định tại Hợp đồng này và chịu trách nhiệm về chất lượng của dịch vụ.
- 5.2. Bố trí nhân sự có kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu chất lưu tham gia thực hiện dịch vụ, đảm bảo công việc được thực hiện theo đúng yêu cầu của hợp đồng, theo danh sách như sau:

| STT | Họ và tên chuyên gia |
|------------|-----------------------------|
| 1 | |
| 2 | |
| 3 | |

- 5.3. Hoàn thành các hạng mục dịch vụ được quy định tại khoản 2.1 Điều 2 của Hợp đồng.
- 5.4. Hỗ trợ kỹ thuật cho các chuyên viên, kỹ sư của Bên A.
- 5.5. Đề xuất các giải pháp trao đổi thông tin cần thiết để đảm bảo tính liên tục và chất lượng của dịch vụ.
- 5.6. Trong trường hợp nhân sự do Bên B đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng, cần phải thay đổi nhân sự khác thì Bên B phải thông báo, đề xuất nhân sự thay thế bằng văn bản cho Bên A trước 05 ngày làm việc và phải được sự chấp thuận của Bên A.

Trường hợp nhân sự của Bên B mất năng lực hành vi dân sự hoặc bất kỳ nhân sự nào của Bên B không tuân thủ theo sự điều động công việc và theo quy định của Bên A, hoặc không đáp ứng được yêu cầu công việc của Bên A hoặc nhân sự Bên



B nghi việc đột xuất dẫn đến việc không đảm bảo khối lượng/chất lượng dịch vụ như quy định của hợp đồng thì Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay thế nhân sự đó. Kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Bên A, trong thời gian 03 ngày làm việc, Bên B phải thực hiện thay thế nhân sự khác.

Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã chỉ định trước đó. Mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Bên B gánh chịu. Bất kỳ sự thay đổi nhân sự nào liên quan đến dịch vụ theo quy định của hợp đồng này đều phải được sự chấp thuận bằng văn bản và được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền của Bên A.

- 5.7. Thực hiện các biên bản, báo cáo, hồ sơ liên quan đến quá trình triển khai và nghiệm thu dịch vụ để hai Bên phê duyệt.
- 5.8. Lập và bàn giao Báo cáo tổng hợp cho Bên A. Báo cáo tổng hợp được in thành 03 bộ bằng tiếng Anh, chép vào USB để chuyển giao cho Bên A.
- 5.9. Bên B cam kết khi có yêu cầu của Bên A, Bên B sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm nào theo yêu cầu của Bên A (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu dịch vụ.
- 5.10. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, tranh chấp lao động,... liên quan tới việc thực hiện dịch vụ mà Bên B cung cấp cho Bên A
- 5.11. Khi thực hiện Hợp đồng, Bên B phải đảm bảo bằng chi phí của mình sẽ mua và duy trì các loại bảo hiểm, an toàn phòng dịch/cách ly đối với nhân sự của mình liên quan đến việc thực hiện hợp đồng này và theo quy định của luật pháp Việt Nam hiện hành.
- 5.12. Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm trong việc xử lý hậu quả nếu để xảy ra vi phạm.

Điều 6. Nghiệm thu Dịch vụ

- 6.1. Sau khi hoàn thành công việc, Bên B gửi Báo cáo tổng hợp để Bên A xem xét. Báo cáo này được phê duyệt bởi người có thẩm quyền của Bên B. Báo cáo tổng hợp phải phù hợp với nhiệm vụ nghiên cứu, phải đáp ứng được các yêu cầu công việc quy định của hợp đồng này và được Bên A phê duyệt.
- 6.2. Nếu kết quả dịch vụ đạt yêu cầu của Bên A thì hai Bên lập Biên bản giao nhận kết quả dịch vụ (Mẫu MS 02 - Phụ lục số 01) và Biên bản nghiệm thu dịch vụ (Mẫu MS 03 - Phụ lục số 01), trong đó phải ghi rõ chất lượng, kết quả của dịch vụ. Các biên bản này phải được đại diện của hai Bên cùng ký, có sự phê duyệt của Lãnh đạo Bên A.
- 6.3. Biên bản nghiệm thu dịch vụ được phê duyệt nói trên là căn cứ để Bên A thanh toán cho Bên B.

Điều 7. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng

- 7.1. Bên B hiểu rằng tất cả tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng và sản phẩm của Bên B trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của Bên A. Bên B không được sử dụng tài liệu, thông tin này vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên A. Bên B phải tuân thủ mọi quy định về bảo mật tài liệu, thông tin nhận được từ Bên A.



- 7.2. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A, Bên B không được tiết lộ nội dung của hợp đồng đã ký với Bên A cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc Bên B cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng đó.
- 7.3. Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm chế độ bảo mật được quy định tại hợp đồng này.
- 7.4. Điều 7 này sẽ tiếp tục có hiệu lực ngay cả khi hợp đồng đã kết thúc.

Điều 8. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

- 8.1. Tham chiếu gói thầu của hợp đồng này, Bên A đã đánh giá và lựa chọn nhà thầu cung cấp trọn gói, thời gian thực hiện dịch vụ quy định tại khoản 3.1 của hợp đồng này áp dụng cho trọn gói. Nếu Bên B không thực hiện dịch vụ hoặc thực hiện dịch vụ chậm sẽ bị tính phạt theo giá trọn gói. Nếu Bên B chậm tiến độ thực hiện hợp đồng do lỗi của Bên B, thì Bên B phải chịu phạt 0,2 % giá hợp đồng cho mỗi ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 8% giá trị trọn gói.
- 8.2. Nếu Bên B chậm tiến độ thực hiện hợp đồng được hai Bên xác định bằng văn bản do lỗi của Bên A, thì văn bản này là căn cứ để không tính phạt Bên B.
- 8.3. Nếu Bên B thực hiện dịch vụ không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật mà không có lý do giải trình hợp lý được Bên A chấp thuận, thì Bên A có quyền không thanh toán phần giá trị dịch vụ bị vi phạm cho Bên B và phạt Bên B một khoản tiền bằng 8% giá trị hợp đồng vi phạm.
- 8.4. Tổng các loại phạt không vượt quá 8% giá trị hợp đồng.
- 8.5. Để thu hồi khoản tiền phạt vi phạm, Bên A sẽ toàn quyền:
- Khấu trừ khoản tiền phạt vi phạm từ các khoản tiền mà Bên A sẽ thanh toán cho Bên B tại hợp đồng này hoặc theo các hợp đồng khác được ký kết giữa hai Bên.
 - Bằng văn bản, yêu cầu Bên B thanh toán.
 - Trong mọi trường hợp, Bên B cam kết nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình cho Bên A.
- 8.6. Giá trị hợp đồng bị vi phạm là giá trị không bao gồm thuế giá trị gia tăng (GTGT). Việc bồi thường thiệt hại (nếu có) được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- 8.7. Nếu Bên B không thực hiện dịch vụ theo quy định tại Điều 1 và Điều 7 của hợp đồng này thì Bên A có quyền:
- Chỉ định Bên thứ 3 có khả năng cung cấp dịch vụ. Trong trường hợp đó Bên B có trách nhiệm ký hợp đồng với Bên được chỉ định để tiếp tục thực hiện công việc cung cấp cho Bên A. Hoặc;
 - Trực tiếp ký hợp đồng thuê dịch vụ của Bên thứ 3 để tiếp tục thực hiện công việc của hợp đồng, trong trường hợp đó Bên B phải trả khoản tiền chênh lệch và các chi phí liên quan nếu có. Hoặc;
 - Bên A tự thực hiện dịch vụ bằng nhân lực, chi phí của mình và Bên B phải trả cho Bên A đầy đủ các chi phí thực tế phát sinh này.



Điều 9. Phương thức thanh toán

- 9.1. Điều kiện thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị dịch vụ thực tế đã nghiệm thu bằng phương thức chuyển khoản qua ngân hàng trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán gồm:
- Bản gốc công văn đề nghị thanh toán của Bên B.
 - Hóa đơn GTGT - hoá đơn điện tử chuyển đổi có chữ ký điện tử và đóng dấu treo của Bên B, đồng tiền ghi trên hóa đơn là đồng Việt Nam.
 - Bản gốc Biên bản bắt đầu thực hiện dịch vụ, Biên bản giao nhận kết quả dịch vụ, Báo cáo tổng hợp, Biên bản nghiệm thu dịch vụ.
 - Bản gốc Biên bản quyết toán hợp đồng.
- 9.2. Tài khoản của Bên B là cố định, duy nhất và không hủy ngang trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng. Bên A không thanh toán vào bất kỳ tài khoản nào khác khi chưa có ý kiến bằng văn bản của Bên B.
- 9.3. Thông tin xuất hóa đơn:
- Tên người mua hàng: Viện Nghiên cứu Khoa học và Thiết kế
 - Tên Đơn vị: Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro
 - Địa chỉ: 105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - Mã số thuế: 3500102414
- 9.4. Phí chuyển tiền do Bên chuyển tiền chịu.

Điều 10. Bất khả kháng

- 10.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép như: chiến tranh, bạo loạn, xung đột vũ trang, cấm vận, thiên tai (lũ lụt, bão, lở xoáy, động đất, sóng thần), hỏa hoạn, dịch bệnh (Epidemic, Pandemic) được WHO/Quốc gia công bố, lệnh phong tỏa Vùng/Quốc gia do Chính quyền sở tại áp đặt.
- 10.2. Bên gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến việc không thực hiện được nghĩa vụ theo hợp đồng do ảnh hưởng trực tiếp bởi các sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải ngay lập tức thông báo cho Bên kia biết, bao gồm cung cấp thông tin, giải trình về sự ảnh hưởng trực tiếp của sự kiện bất khả kháng đến việc vi phạm thực hiện hợp đồng kèm chứng cứ chứng minh, các biện pháp đã được thực hiện để khắc phục vấn đề và giảm thiểu tổn thất. Việc chậm thông báo, cung cấp thông tin và giải trình nếu trễ hơn 14 ngày lịch sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra sẽ làm cho Bên gặp bất khả kháng mất quyền miễn trách sau này vì lý do bất khả kháng.
- 10.3. Văn bản xác nhận của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền ở nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng là bằng chứng đủ để chứng minh sự kiện và thời gian xảy ra bất khả kháng.
- 10.4. Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài hơn 02 tháng, mỗi Bên đều có quyền chấm dứt hợp đồng này mà không phải bồi thường bất cứ một khoản tiền nào cho Bên kia.
- 10.5. Các khó khăn trong sản xuất như thiếu vật tư, nhân công, tài chính, đình công... không được coi là bất khả kháng và không miễn cho Bên B nghĩa vụ thực hiện



dịch vụ hoặc chậm thực hiện dịch vụ. Các thông tin từ trang báo, mạng và các phương tiện truyền thông khác chỉ mang tính chất tham khảo.

Điều 11. Giải quyết tranh chấp

- 11.1. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng thương lượng giữa hai Bên trên tinh thần hợp tác và tôn trọng lẫn nhau.
- 11.2. Trường hợp tranh chấp không thể giải quyết bằng thương lượng sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền. Phán quyết của Tòa án là kết luận cuối cùng và buộc hai Bên phải tuân thủ. Mọi chi phí liên quan đến việc tranh chấp sẽ do Bên thua kiện gánh chịu.

Điều 12. Các điều khoản khác

- 12.1. Bất kỳ sự sửa đổi, bổ sung nào đối với hợp đồng này đều phải được lập thành văn bản và có chữ ký của cả hai Bên.
- 12.2. Những điều không quy định hoặc quy định không đầy đủ trong hợp đồng này sẽ căn cứ vào luật pháp Việt Nam hiện hành.
- 12.3. Không Bên nào được chuyển quyền và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng này cho Bên thứ ba mà không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia.
- 12.4. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi hai Bên thực hiện hết các trách nhiệm của mình như quy định trong Hợp đồng này.
- 12.5. Hết thời hạn hiệu lực của hợp đồng, nếu hai Bên không có tranh chấp hoặc khiếu nại gì thì coi như hợp đồng đã được thanh lý.
- 12.6. Hợp đồng gồm trang bao gồm cả 01 Phụ lục (Phụ lục số 01 - Biểu mẫu) được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 01 bản.

Đại diện hợp pháp của chủ đầu tư

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu] [Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Thỏa thuận:

-

Ký tắt:

-



PHỤ LỤC SỐ 01 – BIỂU MẪU
HỢP ĐỒNG SỐ/..../VNCKH-.....
V/v:

MS 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÊ DUYỆT
BÊN A

.....

BIÊN BẢN BẮT ĐẦU THỰC HIỆN DỊCH VỤ

Ngày tháng năm

Căn cứ hợp đồng số, ký ngày tháng năm

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây:

Bên A: LIÊN DOANH VIỆT - NGA VIETSOVPETRO,

- Ông/Bà Chức vụ:

- Ông/Bà Chức vụ:

Bên B: CÔNG TY

- Ông/Bà Chức vụ:

- Ông/Bà Chức vụ:

Cùng nhau thống nhất và xác nhận các nội dung như sau:

Ngày/...../....., hai Bên bắt đầu triển khai thực hiện công việc theo quy định của hợp đồng, bao gồm:

-

-

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Người thực hiện: Họ và tên, ĐT:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÊ DUYỆT

BÊN A

.....

BIÊN BẢN GIAO NHẬN KẾT QUẢ DỊCH VỤ

Ngày tháng năm

Căn cứ:

- Hợp đồng số, ký ngày tháng năm
- Biên bản bắt đầu thực hiện dịch vụ.

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây:

Bên A: LIÊN DOANH VIỆT - NGA VIETSOVPETRO,

- Ông/Bà Chức vụ:

- Ông/Bà Chức vụ:

Bên B: CÔNG TY

- Ông/Bà Chức vụ:

Cùng nhau tiến hành giao nhận kết quả dịch vụ “.....” theo hợp đồng số, cụ thể như sau:

1. Tình hình thực hiện dịch vụ:

Từ ngày đến ngày, Bên B đã thực hiện dịch vụ “.....” cho Bên A theo ... yêu cầu kỹ thuật quy định tại hợp đồng số, với khối lượng công việc như sau:

2. Giao nhận kết quả dịch vụ:

Trong thời gian thực hiện dịch vụ, Bên B đã kết hợp các nhân sự của Bên A thực hiện và thành lập báo cáo theo yêu cầu của Bên A.

(Đính kèm:))

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A**ĐẠI DIỆN BÊN B***[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Người thực hiện: Họ và tên, ĐT:



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúcPHÊ DUYỆT
BÊN A

.....

BIÊN BẢN NGHIỆM THU DỊCH VỤ

Ngày tháng năm

Căn cứ:

- Hợp đồng số, ký ngày tháng năm
- Biên bản bắt đầu thực hiện dịch vụ.
- Biên bản giao nhận kết quả dịch vụ, Báo cáo tổng hợp.

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây:

Bên A: LIÊN DOANH VIỆT - NGA VIETSOVPETRO,

- Ông/Bà Chức vụ:
- Ông/Bà Chức vụ:

Bên B: CÔNG TY

- Ông/Bà Chức vụ:

Cùng nhau tiến hành nghiệm thu kết quả dịch vụ “.....” theo hợp đồng số, với các nội dung như sau:

1. Tóm tắt tình hình thực hiện dịch vụ:

Từ ngày đến ngày, Bên B đã thực hiện dịch vụ “.....” cho Bên A theo ... yêu cầu kỹ thuật quy định tại hợp đồng số, với khối lượng công việc như sau:

2. Đánh giá kết quả dịch vụ:

Trên cơ sở Bên A xác nhận Bên B

3. Các nội dung khác:

Biên bản nghiệm thu dịch vụ này là cơ sở thực hiện thanh toán cho hợp đồng số

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A**ĐẠI DIỆN BÊN B***[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Người thực hiện: Họ và tên, ĐT:



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN QUYẾT TOÁN HỢP ĐỒNG**

Căn cứ:

- Hợp đồng số, ký ngày tháng năm
- Biên bản bắt đầu thực hiện dịch vụ.
- Biên bản giao nhận kết quả dịch vụ, Báo cáo tổng hợp.
- Biên bản nghiệm thu dịch vụ.

Hôm nay, ngày tháng năm, chúng tôi, đại diện hai Bên gồm:

BÊN A: **LIÊN DOANH VIỆT - NGA VIETSOVPETRO,**

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Số tài khoản:

Mã số thuế:

Do Ông: - Viện trưởng Viện NCKH&TK làm đại diện theo Giấy ủy quyền số/UQ-PL ngày của Tổng Giám đốc Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro.

BÊN B: **CÔNG TY**

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Số tài khoản:

Mã số thuế:

Do Ông/Bà: – làm đại diện.

Hai bên thống nhất lập Biên bản quyết toán hợp đồng số với các nội dung cụ thể như sau:

Điều 1. Giá trị Hợp đồng

Tổng giá trị hợp đồng đã ký kết: VND (đã bao gồm thuế GTGT%). (Bằng chữ: đồng). Trong đó:

- Giá trị dịch vụ: VND
- Thuế GTGT%: VND

Điều 2. Giá trị quyết toán

Theo yêu cầu của Bên A, Bên B đã hoàn thành việc cung cấp dịch vụ “.....” phù hợp với các điều khoản của hợp đồng số ký ngày Giá trị dịch vụ thực hiện thực tế, chi tiết như sau:

| STT | Dịch vụ - Nhiệm vụ nghiên cứu | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|----------------------------------------------------|-------------------------------|----------------|-------------|------------------|---------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=4*5 |
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| 3 | | | | | |
| 4 | | | | | |
| 5 | | | | | |
| 6 | | | | | |
| 7 | | | | | |
| 8 | | | | | |
| Tổng giá trị dịch vụ chưa bao gồm thuế GTGT | | | | | |
| Thuế GTGT% | | | | | |
| Tổng giá trị dịch vụ đã bao gồm thuế GTGT | | | | | |

Tổng giá trị thanh quyết toán của hợp đồng số là VNĐ (Đã bao gồm thuế GTGT.....%).

Tổng số tiền Bên A đã thanh toán cho Bên B là: VNĐ

Tổng số tiền Bên A còn phải thanh toán cho Bên B là: VNĐ. Trong đó:

- Giá trị dịch vụ: VNĐ
- Thuế GTGT%: VNĐ

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản. Mọi ý kiến trái với Biên bản quyết toán hợp đồng này đều không có giá trị.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Người thực hiện: Họ và tên, ĐT:



PHẦN 4. PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Yêu cầu kỹ thuật.

Phụ lục 2: Bảng điểm đánh giá kỹ thuật.

Các tài liệu được cố định theo định dạng tệp tin PDF, đính kèm cùng E-HSMT và đăng tải trên Hệ thống.



LD VIỆT-NGA VIETSOVPETRO
Viện NCKH&TK

“PHÊ DUYỆT”
Viện phó Viện NCKH&TK
Зам. директора НИПИморнефтегаз

YÊU CẦU KỸ THUẬT

Thuê dịch vụ xử lý số liệu và lập báo cáo cho dự án “Lấy mẫu và phân tích mẫu phục vụ phân chia sản phẩm mỏ Nam Rồng – Đồi Mồi năm 2026”

ТЕХНИЧЕСКИЕ ТРЕБОВАНИЯ

Аренда услуги по обработке данных и составлению отчета для проекта «Отбор и анализ проб по распределению продукции месторождения Южный Дракон-Дой Мой в 2026 г.»

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG DỊCH VỤ/ ЦЕЛЕВОЕ НАЗНАЧЕНИЕ ПО ПРИОБРЕТЕНИЮ УСЛУГИ:

- Thuê dịch vụ xử lý số liệu và lập báo cáo (sau đây gọi là “Dịch vụ”) nhằm mục đích tận dụng sự hỗ trợ, tư vấn và tham gia trực tiếp của các chuyên gia có nhiều năm kinh nghiệm trong nghiên cứu tính chất lý-hóa mẫu chất lưu để thực hiện xử lý số liệu và lập báo cáo cho dự án “Lấy mẫu và phân tích mẫu phục vụ phân chia sản phẩm mỏ Nam Rồng – Đồi Mồi năm 2026”.

Аренда услуги по обработке данных и составлению отчета (далее именуемые «Услуга») с целью использования помощи, консультации и участия специалистов с многолетним опытом в специализированной области: изучении физико-химических свойств флюидов для обработки данных и составления отчета по проекту «Отбор и анализ проб по распределению продукции месторождения Южный Дракон-Дой Мой в 2026 г.».

2. YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI DỊCH VỤ/ ОБЩИЕ ТРЕБОВАНИЯ ПРИ ОКАЗАНИИ УСЛУГИ:

2.1 Các yêu cầu cơ bản đối với dịch vụ/ Основные требования при оказании услуги:

2.1.1. Phạm vi dịch vụ / Рамка оказания услуги:

- Phạm vi dịch vụ bao gồm bố trí chuyên gia tham gia và thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu theo yêu cầu.

Услуга включает организацию участия специалистов и выполнения соответствующих исследовательских задач.

2.1.2. Yêu cầu về phương thức thực hiện/ Требования к способу выполнения работы:

- Dịch vụ được thực hiện có sự tham gia trực tiếp của các chuyên gia nhiều kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu công việc;

Услуга выполняется при непосредственном участии опытных специалистов, с учетом требований работы;

- Trên cơ sở số liệu phân tích PVT mẫu chất lưu được thực hiện bởi các chuyên viên/kỹ sư của Viện NCKH&TK, các chuyên gia của nhà thầu sẽ tiến hành phân tích số liệu, tính toán cân bằng pha – cân bằng vật chất, xử lý số liệu thành phần khí và lập báo cáo tính chất lý-hóa mẫu chất lưu phục vụ phân chia sản phẩm mỏ Nam Rồng – Đồi Mồi;

На основе данных PVT исследований флюидов, выполненных экспертами/инженерами НИПИморнефтегаз, специалисты подрядчика проведут анализ данных, расчет фазового баланса – материального баланса, обработку данных о составе газа и составление отчета о физико-химических свойствах проб флюидов для распределению продукции месторождения Южный Дракон-Дой Мой;

- Nhà thầu bố trí phương thức và địa điểm làm việc cho các chuyên gia, đề xuất các giải pháp trao đổi thông tin cần thiết để đảm bảo tính liên tục và chất lượng của dịch vụ.

Подрядчик организует методы и место работы специалистов, предлагает необходимые решения по обмену информацией для обеспечения непрерывности и качества услуги.

2.1.3 Yêu cầu đối với chuyên gia tham gia dịch vụ/ Требования к специалистам, участвующим в оказании услуг:

- Để đảm bảo hoàn thành công việc có tính đặc thù, tính chuyên môn cao và đòi hỏi kinh nghiệm thực tế, các chuyên gia tham gia thực hiện dịch vụ cần đáp ứng các tiêu chí sau:

Для обеспечения выполнения работ, которые являются специфическими, узкоспециализированными и требуют практического опыта, специалисты, участвующие в реализации услуги, должны соответствовать следующим критериям:

- + Bằng cấp chuyên môn: có bằng đại học chuyên ngành khoa học kỹ thuật hoặc trên đại học;

Профессиональная квалификация: имея степень бакалавра в области науки и техники или выше;

- + Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kỹ thuật dầu khí ít nhất 15 năm;

Имея не менее 15 лет опыта в области нефтяной техники;

- + Có kinh nghiệm làm chủ nhiệm-phê duyệt hay tham gia hoàn thiện báo cáo nghiên cứu chất lưu liên quan đến xử lý số liệu phân tích thành phần khí lỏng, nghiên cứu số liệu cân bằng pha. Ưu tiên những người đã tham gia các dự án liên quan phân chia sản phẩm dầu khí;

Иметь опыт руководства, утверждения или участия в составлении отчетов в области анализа флюидов, связанные с обработкой результатов анализа газонефтяного - конденсатного компонентного состава, изучении данных фазового баланса нефти и газа. Предпочтение отдается лицам со опытом участия в проектах, связанных с распределением нефтяной продукции;

- + Chuyên gia cần có kỹ năng ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Nga đáp ứng được yêu cầu công việc tư vấn nghiên cứu cân bằng pha, phân tích mẫu chất lưu;

Специалисты должны обладать знаниями английского или русского языка, соответствующими требованиям консультационной работы по исследованию фазового баланса, анализа флюидов;

- + Chuyên gia phải cung cấp hồ sơ về năng lực, kinh nghiệm để Viện NCKH&TK xem xét, đánh giá và chấp thuận;

Специалисты должны предоставить записи о своих способностях и опыте для проверки, оценки и одобрения в НИПИморнефтегаз;

- Số lượng chuyên gia do nhà thầu chủ động bố trí (tối thiểu là 02 chuyên gia) để đảm bảo hoàn thành khối lượng công việc.

Количество специалистов, привлекаемых подрядчиком (минимум 02 специалиста) для обеспечения выполнения объема работ.

2.2. Yêu cầu về nhiệm vụ/ Требования к задаче:

- Đề xuất phương pháp nghiên cứu mẫu dầu và condensate bình tách phù hợp quy trình phân chia sản phẩm mỏ Nam Rồng – Đồi Mồi;

Предложение метода исследования проб сепараторных нефтей и конденсатов в соответствии с процедурой распределения продукции месторождения Южный Дракон-Дой Мой;

- Tư vấn điều chỉnh các mẫu bình tách phù hợp với sơ đồ công nghệ trong quy trình phân chia sản phẩm mỏ Nam Rồng – Đồi Mồi;

Рекомендация по регулировке сепараторных нефтегазовых проб в соответствии с технологической схемой процедуры распределения продукции месторождения Южный Дракон-Дой Мой;

- Tư vấn tổng hợp và đánh giá kết quả các thí nghiệm tách đa bậc, mô phỏng tách tại FSO;

Консультирование и оценка результатов анализа многоступенчатых сепараций, моделирования процесса нефтегазовой обработки на УБН;

- Xử lý và đánh giá kết quả các thí nghiệm xây dựng quan hệ đẳng nhiệt tỷ trọng dầu/condensate với áp suất, thể tích dầu với áp suất;

Обработка данных и оценка результатов анализа для построения изотермической зависимости плотности нефти / конденсата от давления, соотношения объема нефти от давления;

- Tổng hợp kết quả và tính toán hồi quy cho tỷ trọng và hệ số co ngót dầu/condensate, theo áp suất và nhiệt độ;

Сбор данных, оценка результатов и расчета регрессии для зависимости плотности и коэффициента усадки нефти / конденсата от давления и температуры;

- Lựa chọn số liệu phù hợp để đưa vào mô hình phân chia sản phẩm mỏ Nam Rồng – Đồi Mồi;

Выбор подходящих данных для включения в модель распределения продукции месторождения Южный Дракон-Дой Мой;

- Tổng hợp và hoàn thiện báo cáo;

Обработка данных и составление отчета;

3. YÊU CẦU VỀ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC DỊCH VỤ/ ТРЕБОВАНИЯ К ОБЪЕМУ РАБОТ УСЛУГИ:

- Nhà thầu được yêu cầu cung cấp trọn gói dịch vụ (bao gồm bố trí chuyên gia, hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu) phù hợp với kế hoạch triển khai thực hiện dịch vụ (Phụ lục đính kèm).

Подрядчик обязан предоставить полный пакет услуги (включая предоставление специалистов и выполнение исследовательских задач) в соответствии с рабочей программой для реализации услуги (см. Приложение).

- Dịch vụ sẽ được nghiệm thu và thanh toán cho nhà thầu sau khi nhà thầu hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu và Báo cáo tổng hợp (theo mục 4) được Viện NCKH&TK phê duyệt.

Услуга будет принята и оплачена подрядчику после выполнения подрядчиком исследовательских задач и утверждения Сводного отчета (согласно пункту 4) в НИПИморнефтегаз.

4. YÊU CẦU KỸ THUẬT ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ/ ТЕХНИЧЕСКИЕ ТРЕБОВАНИЯ ДЛЯ ВЫПОЛНЕНИЯ УСЛУГИ:

Nhiệm vụ nghiên cứu / Исследовательские задачи:

- Đề xuất phương pháp nghiên cứu tối ưu cho mẫu dầu và condensate bình tách phù hợp quy trình phân chia sản phẩm mỏ Nam Rồng – Đồi Mồi;

Предложение оптимального метода исследования проб сепараторных нефтей и конденсатов в соответствии с процедурой распределения продукции месторождения Южный Дракон-Дой Мой;

- Điều chỉnh các mẫu bình tách phù hợp với chế độ làm việc trên các giàn RC-6, RC-5, RC-4, RC-DM, RP-1;

Регулировка сепараторных нефтегазовых проб в соответствии с рабочим режимом на платформах RC-6, RC-5, RC-4, RC-DM, RP-1;

- Xử lý và đánh giá các kết quả mô phỏng và các thí nghiệm tách đa bậc;

Обработка данных и оценка результатов моделирований и анализа многоступенчатых сепараций;

- Tư vấn tổng hợp và đánh giá kết quả các thí nghiệm tách mô phỏng FSO;

Консультирование и оценка результатов анализа моделирования условия УБН;

- Xử lý và đánh giá kết quả các thí nghiệm xây dựng quan hệ đẳng nhiệt tỷ trọng dầu/condensate với áp suất, thể tích dầu với áp suất;

Обработка данных и оценка результатов анализа для построения изотермической зависимости плотности нефти / конденсата от давления, соотношения объема нефти от давления;

- Tổng hợp kết quả và tính toán hồi quy cho tỷ trọng và hệ số co ngót dầu/condensate, theo áp suất và nhiệt độ;

Сбор данных, оценка результатов и расчета регрессии для зависимости плотности и коэффициента усадки нефти / конденсата от давления и температуры;

- Lựa chọn số liệu phù hợp để đưa vào mô hình phân chia sản phẩm mỏ Nam Rồng – Đồi Mồi;

Выбор подходящих данных для включения в модель распределения продукции месторождения Южный Дракон-Дой Мой;

- Tổng hợp kết quả công việc và hoàn thiện Báo cáo tổng hợp;

Проведение обобщения результатов работ и составление Сводного отчета;

5. YÊU CẦU ĐỐI VỚI NHÀ THẦU/ ТРЕБОВАНИЯ К ПОДРЯДЧИКУ:

- Nhà thầu là tổ chức hoạt động trong lĩnh vực dầu khí, có có tư cách hợp lệ phù hợp với luật đầu thầu, có năng lực để thực hiện dịch vụ;

- Подрядчиком является организация, осуществляющая деятельность в нефтегазовой отрасли, имеющая действующую квалификацию в соответствии с законодательством о торгах и обладающая возможностями для выполнения услуги;*
- Nhà thầu phải có hồ sơ dự thầu hợp lệ. Có đề xuất về kỹ thuật phù hợp để thực hiện dịch vụ;

Подрядчик должен иметь действующую тендерную документацию. Подрядчик должен предложить подходящие технические решения для выполнения услуги;

- Nhà thầu cần có kinh nghiệm hoàn thành các dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực kỹ thuật dầu khí (đã hoàn thành tối thiểu 02 dự án/ hợp đồng);

Подрядчик должен иметь опыт выполнения консультационных услуг в области нефтегазовой промышленности (не менее 2 выполненных проектов/контрактов);

- Nhà thầu cần bố trí nhân lực có kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu chất lưu tham gia thực hiện dịch vụ, đảm bảo công việc được thực hiện theo đúng yêu cầu;

Подрядчик должен организовать участие в выполнении услуги опытного персонала в области исследования флюидов и обеспечить выполнение работы в соответствии с требованиями;

- Các chuyên gia của nhà thầu tham gia thực hiện dịch vụ cần đáp ứng theo yêu cầu tại mục 2.1.3;

Специалисты подрядчика, участвующие в реализации услуги, должны соответствовать требованиям, изложенным по пункту 2.1.3;

- Hoàn thành các hạng mục công việc được nêu trong mục 4;

Выполнить рабочие элементы, указанные в пункте 4;

- Hỗ trợ kỹ thuật cho các chuyên viên, kỹ sư của Viện NCKH&TK;

Оказать технические поддержки специалистам и инженерам НИПИморнефтегаз;

- Tuân thủ các qui định, nội quy của Viện NCKH&TK, bảo mật các tài liệu nhận được từ Viện NCKH&TK.

Соблюдать правила и внутренние положения НИПИморнефтегаз, сохранять конфиденциальность документов, полученных от НИПИморнефтегаз.

6. THỜI HẠN THỰC HIỆN DỊCH VỤ/ СРОК ОКАЗАНИЯ УСЛУГИ

- Thời hạn hoàn thành cung cấp dịch vụ: trong vòng 03 tháng, được tính từ ngày ký biên bản bắt đầu công việc (sau khi ký hợp đồng).

Срок выполнения работ по оказанию услуги: в течение 03 месяцев, исчисляемых с даты подписания протокола о начале работ (после подписания контракта).

7. TRÁCH NHIỆM CỦA VIETSOVPETRO/ ОБЯЗАННОСТИ СП «ВЬЕТСОВПЕТРО»:

- Cung cấp đầy đủ tài liệu, số liệu thí nghiệm phân tích phù hợp với chương trình làm việc của các chuyên gia;

Предоставить документы, экспериментальные данные в соответствии с рабочей программой специалистов;

- Cung cấp thông tin khi có sự thay đổi về công nghệ kết nối, vận chuyển sản phẩm;

Предоставлять информацию при изменении технологии подключения и транспортировки продукции;

- Giám sát kiểm tra tiến độ và kết quả công việc phù hợp với chương trình làm việc.

Kонтролировать и проверять ход и результаты работ в соответствии с рабочей программой.

8. YÊU CẦU VỀ BÀN GIAO TÀI LIỆU/ ТРЕБОВАНИЕ К ПЕРЕДАЧЕ ДОКУМЕНТОВ:

- Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện các biên bản, báo cáo, hồ sơ liên quan quá trình triển khai và nghiệm thu dịch vụ để các bên phê duyệt;

Подрядчик несет ответственность за составление актов, отчетов и документов, связанных с выполнением и приемкой услуги для представления сторонам на утверждение;

- Báo cáo tổng hợp được lập thành báo cáo bởi Nhà thầu, được in thành 03 bộ bằng tiếng Anh, chép vào USB để chuyển giao cho Viện NCKH&TK.

Сводный отчет будет подготовлен подрядчиком, распечатан в 03 экземплярах на английском языке, скопирован на USB-накопитель для передачи в НИПИморнефтегаз.

9. TÀI LIỆU, CHỨNG CHỈ CẦN THIẾT/ НЕОБХОДИМЫЕ ДОКУМЕНТЫ И СЕРТИФИКАТЫ:

Nhà thầu cung cấp bản sao chụp (copy) các giấy tờ, chứng chỉ liên quan / Подрядчик предоставляет копии соответствующих документов и сертификатов:

- Chứng nhận đăng ký kinh doanh / giấy phép hoạt động của nhà thầu.

Свидетельство о регистрации предприятия/лицензия на осуществление деятельности подрядчика;

- Danh mục dịch vụ đã thực hiện trong lĩnh vực kỹ thuật dầu khí (tên dự án/ hợp đồng, khách hàng, thời gian thực hiện, tình trạng thực hiện...);

Перечень выполненных консультационных услуг в нефтегазовой отрасли (наименование проекта/контракта, заказчик, сроки реализации, статус реализации...);

- Hồ sơ về kinh nghiệm làm việc của các chuyên gia tham gia thực hiện dịch vụ;

Документы об опыте работы специалистов, участвующих в реализации услуги;

- Bằng cấp chuyên môn của chuyên gia tham gia thực hiện dịch vụ;

Профессиональная квалификация специалистов, участвующих в выполнении услуги;

- Các bằng cấp/ chứng chỉ ngoài chuyên môn của các chuyên gia tham gia thực hiện dịch vụ (ngoại ngữ, tin học...).

Непрофессиональные степени/сертификаты специалистов, участвующих в оказании услуги (иностранные языки, ИТ...).

10. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ VỀ MỨC ĐỘ PHÙ HỢP CỦA KẾT QUẢ DỊCH VỤ VỚI ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT CỦA VIETSOVPETRO/ МЕТОД ОЦЕНКИ О СТЕПЕНИ СООТВЕТСТВИЯ РЕЗУЛЬТАТОВ ОКАЗАНИЯ УСЛУГИ С ТТ СП «ВЬЕТСОВПЕТРО»:

- Báo cáo tổng hợp phải phù hợp với nhiệm vụ nghiên cứu và được Viện NCKH&TK phê duyệt.

Сводный отчет должен соответствовать исследовательским задачам и быть одобрен НИПИморнефтегаз.

- Dịch vụ được xem là hoàn thành và đáp ứng yêu cầu trên cơ sở biên bản nghiệm thu được phê duyệt bởi lãnh đạo Viện NCKH&TK.

Услуга признается выполненными и удовлетворяющим требованиям на основании акта приемки, утвержденного руководством НИПИморнефтегаз.

**KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỊCH VỤ
ПЛАНИРУЕМАЯ РАБОЧАЯ ПРОГРАММА ДЛЯ РЕАЛИЗАЦИИ УСЛУГИ**

Kế hoạch công việc dự kiến / Ожидаемый план работы:

| № | Các giai đoạn công việc (*)/ Этапы работ (*) | Thời gian thực hiện dự kiến (**)/ Предварительное время исполнения (**) | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|--|--|---------------------------------|--|--|---------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | Tháng thứ 1/ 1-й месяц | | | Tháng thứ 2/ 2-й месяц | | | Tháng thứ 3/ 3-й месяц | | | | | | | | | | | | |
| 1. | Đề xuất phương pháp nghiên cứu tối ưu cho mẫu dầu và condensate bình tách phù hợp quy trình phân chia sản phẩm mỏ Nam Rồng – Đồi Mồi; <i>Предложение оптимального метода исследования проб сепараторных нефтей и конденсатов в соответствии с процедурой распределения продукции месторождения «Южный Дракон-Дой Мой»;</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2. | Điều chỉnh các mẫu bình tách phù hợp với chế độ làm việc trên các giàn RC-6, RC-5, RC-4, RC-DM, RP-1; <i>Регулировка сепараторных нефтегазовых проб в соответствии с рабочим режимам на платформах RC-6, RC-5, RC-4, RC-DM, RP-1;</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3. | Xử lý và đánh giá các kết quả mô phỏng và các thí nghiệm tách đa bậc; <i>Обработка данных и оценка результатов моделирований и анализа многоступенчатых сепараций;</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4. | Tư vấn tổng hợp và đánh giá kết quả các thí nghiệm tách mô phỏng FSO; <i>Консультирование и оценка результатов анализа моделирования условия УБН;</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CÁC CHÀO HÀNG KỸ THUẬT CUNG CẤP DỊCH VỤ
Thuê dịch vụ xử lý số liệu và lập báo cáo cho dự án “Lấy mẫu và phân tích mẫu phục vụ phân chia sản phẩm mỏ Nam Rồng – Đồi Mồi năm 2026”

КРИТЕРИИ ТЕХНИЧЕСКОЙ ОЦЕНКИ ТЕНДЕРНЫХ ПРЕДЛОЖЕНИЙ ПО ПРЕДОСТАВЛЕНИЮ ТЕХНИЧЕСКИХ УСЛУГ
Аренда услуги по обработке данных и составлению отчета проекта «Отбор и анализ проб по распределению продукции месторождения Южный Дракон-Дош Мой в 2026 г.»

Bước 1: Đánh giá việc tuân thủ các điều kiện tiên quyết/ Этап 1 Оценка соответствия с дисквалифицированными условиями:

| STT | Tiêu chí/ Критерии | Đánh giá/ Оценка | Ghi chú/ Примечание |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------|
| | | ĐẠT/ KHÔNG ĐẠT «Удовлетворительно/ Неудовлетворительно» | |
| 1 | Năng lực của nhà thầu đáp ứng với yêu cầu của DV/ <i>Возможность подрядчика соответствует требованиям услуг</i> | | |
| 2 | Nhà thầu cam kết thực hiện trọn gói Dịch vụ theo khối lượng công việc quy định tại YCKT/ <i>Подрядчик обязуется выполнить полный пакет Услуг согласно объему работ, указанному в ТТ.</i> | | |

Bước 2: Các chào hàng được đánh giá ĐẠT tất cả các điều kiện tiên quyết nêu trên sẽ được đánh giá bước 2- đánh giá chi tiết theo các tiêu chí theo bảng sau:

Этап 2: Предложения, которые оценены как “Удовлетворительно” всем вышеупомянутым дисквалифицированным условиям, будут оцениваться на этапе 2 — Детальная оценка в соответствии с критериями согласно следующей «КТО»:

| Số mục theo các mục đánh giá/ No. позиций по уровней оценки | | | | Tên gọi các tiêu chí/ Наименование критериев | Nội dung chào hàng/ Содержание предложений | Điểm/ Количество баллов по уровням | | | | Nguyên nhân giảm điểm theo từng mục/ Причины снижения баллов по каждому пункту |
|-------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| Mức Уровень I | Mức Уровень II | Mức Уровень III | Mức Уровень IV | | | Mức Уровень I | Mức Уровень II | Mức Уровень III | Mức Уровень IV | |
| | | | | | | Điểm/ Баллы | Điểm/ Баллы | % | % | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 1 | | | | YÊU CẦU ĐỐI VỚI DỊCH VỤ / ТРЕБОВАНИЯ ПРИ ОКАЗАНИИ УСЛУГ: | | 60 | | | | |
| | 1.1 | | | Đáp ứng các yêu cầu về phạm vi và phương thức thực hiện, bàn giao tài liệu (Các mục 2.1.1, 2.1.2 và 8 của YCKT)/ <i>Соответственно основным требованиям к рамке оказания, способу выполнения услуг и передаче документов (пункты 2.1.1, 2.1.2 и 8 - ТТ)</i> | | | 10 | | | |



| Số mục theo các mục đánh giá/ No. позиций по уровню оценки | | | | Tên gọi các tiêu chí/ Наименование критериев | Nội dung chào hàng/ Содержание предложений | Điểm/ Количество баллов по уровням | | | | Nguyên nhân giảm điểm theo từng mục/ Причины снижения баллов по каждому пункту |
|------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| Mức Уровень I | Mức Уровень II | Mức Уровень III | Mức Уровень IV | | | Mức Уровень I | Mức Уровень II | Mức Уровень III | Mức Уровень IV | |
| | | | | | | Điểm/ Баллы | Điểm/ Баллы | % | % | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| | | 1.1.1 | | | Đạt yêu cầu kỹ thuật Соответственно техническим требованиям | | | 100 | | |
| | | 1.1.2 | | | Không đạt yêu cầu kỹ thuật Не соответствует техническим требованиям | | | 0 | | |
| | 1.2 | | | Đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ (Mục 2.2 của YCKT)/ Соответственно требованиям к задаче (пункт 2.2 - ТТ) | | | 10 | | | |
| | | 1.2.1 | | | Đạt yêu cầu kỹ thuật Соответственно техническим требованиям | | | 100 | | |
| | | 1.2.2 | | | Không đạt yêu cầu kỹ thuật Не соответствует техническим требованиям | | | 0 | | |
| | 1.3 | | | Đáp ứng các yêu cầu về khối lượng công việc dịch vụ (Mục 3 của YCKT)/ Соответственно требованиям к объемной работе услуги (пункт 3 - ТТ). | | | 10 | | | |
| | | 1.3.1 | | | Đạt yêu cầu kỹ thuật/ Соответственно техническим требованиям | | | 100 | | |
| | | 1.3.2 | | | Không đạt yêu cầu kỹ thuật Не соответствует техническим требованиям | | | 0 | | |
| | 1.4 | | | Đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật (Mục 4 của YCKT)/ Соответственно требованиям к техническим требованиям (пункт 4 - ТТ) | | | 15 | | | |
| | | 1.4.1 | | | Đạt yêu cầu kỹ thuật/ Соответственно техническим требованиям | | | 100 | | |
| | | 1.4.2 | | | Không đạt yêu cầu kỹ thuật Не соответствует техническим требованиям | | | 0 | | |
| | 1.5 | | | Đáp ứng các yêu cầu về thời hạn thực hiện dịch vụ (Mục 6 của YCKT)/ Соответственно требованиям к сроку оказания услуги (пункт 6 - ТТ) | | | 15 | | | |



| Số mục theo các mục đánh giá/ No. позиций по уровню оценки | | | | Tên gọi các tiêu chí/ Наименование критериев | Nội dung chào hàng/ Содержание предложений | Điểm/ Количество баллов по уровням | | | | Nguyên nhân giảm điểm theo từng mục/ Причины снижения баллов по каждому пункту |
|------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| Mức Уровень I | Mức Уровень II | Mức Уровень III | Mức Уровень IV | | | Mức Уровень I | Mức Уровень II | Mức Уровень III | Mức Уровень IV | |
| | | | | | | Điểm/ Баллы | Điểm/ Баллы | % | % | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| | | 1.5.1 | | | Đạt yêu cầu kỹ thuật Соответственно техническим требованиям | | | 100 | | |
| | | 1.5.2 | | | Không đạt yêu cầu kỹ thuật Не соответствует техническим требованиям | | | 0 | | |
| 2 | | | | YÊU CẦU ĐỐI VỚI NHÀ THẦU/ ТРЕБОВАНИЯ К ПОДРЯДЧИКУ | | 15 | | | | |
| | 2.1 | | | Đáp ứng các yêu cầu đối với nhà thầu (Mục 5 của YCKT)/ Соответственно требованиям к подрядчикам (пункт 5 - ТТ) | | | 15 | | | |
| | | 2.1.1 | | | Đạt yêu cầu kỹ thuật/ Соответственно техническим требованиям | | | 100 | | |
| | | 2.1.2 | | | Không đạt yêu cầu kỹ thuật Не соответствует техническим требованиям | | | 0 | | |
| 3 | | | | YÊU CẦU ĐỐI VỚI NHÂN SỰ/ ТРЕБОВАНИЯ К ЧЕЛОВЕЧЕСКИМ РЕСУРСАМ | | 15 | | | | |
| | 3.1 | | | Đáp ứng yêu cầu đối với chuyên gia tham gia thực hiện dịch vụ (Mục 2.1.3 của YCKT)/ Соответственно требованиям к специалистам, участвующим в оказании услуг (пункт 2.1.3 - ТТ) | | | 15 | | | |
| | | 3.1.1 | | | Đạt yêu cầu kỹ thuật Соответственно техническим требованиям | | | 100 | | |
| | | 3.1.2 | | | Không đạt yêu cầu kỹ thuật Не соответствует техническим требованиям | | | 0 | | |
| 4 | | | | YÊU CẦU VỀ TÀI LIỆU, CHỨNG CHỈ CẦN THIẾT/ НЕОБХОДИМЫЕ ДОКУМЕНТЫ И СЕРТИФИКАТЫ: | | 10 | | | | |
| | 4.1 | | | Đáp ứng các yêu cầu về việc cung cấp các tài liệu, chứng chỉ (Mục 9 của YCKT)/ Соблюдение требований предоставления документов и сертификатов (пункт 9- ТТ) | | | 10 | | | |



| Số mục theo các mục đánh giá/ No. позиций по уровню оценки | | | | Tên gọi các tiêu chí/ Наименование критериев | Nội dung chào hàng/ Содержание предложений | Điểm/ Количество баллов по уровням | | | | Nguyên nhân giảm điểm theo từng mục/ Причины снижения баллов по каждому пункту |
|------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mức Уровень I | Mức Уровень II | Mức Уровень III | Mức Уровень IV | | | Mức Уровень I | Mức Уровень II | Mức Уровень III | Mức Уровень IV | |
| | | | | | | Điểm/ Баллы | Điểm/ Баллы | % | % | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| | | 4.1.1 | | | Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật/ Полное соответствие техническим требованиям | | | 100 | | |
| | | 4.1.2 | | | Đáp ứng cơ bản yêu cầu kỹ thuật/ Базовое соответствие техническим требованиям | | | 70 | | Thiếu sót liên quan chứng chỉ ngoài chuyên môn (ngoại ngữ, tin học...) của các chuyên gia; Недостатки, связанные с непрофессиональными сертификатами (иностранные языки, ИТ...) специалистов. |
| | | 4.1.3 | | | Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật/ Несоответствие техническим требованиям | | | 0 | | Không cung cấp các giấy tờ/ chứng chỉ liên quan năng lực / kinh nghiệm của nhà thầu, chuyên môn / kinh nghiệm của chuyên gia; Непредоставление документов / сертификатов, касающихся возможностей/опыта подрядчика, знаний/опыта специалистов. |
| | | | | | Tổng điểm/ Ощий балл | 100 | | | | |

Đánh giá/ Оценка:

1. Chào hàng được đánh giá **ĐẠT YCKT** khi có tổng số điểm ≥ 90 điểm./ Предложение оценивается как «Удовлетворительно» ТТ, если оно имеет общий балл ≥ 90 баллов.
2. Chào hàng được đánh giá **KHÔNG ĐẠT YCKT** khi có tổng số điểm < 90 điểm./ Предложение оценивается как «Неудовлетворительно» ТТ, если оно имеет общий балл < 90 баллов.

